Năm thứ hai — Số 68
Tuần-lễ từ thứ tư 14 Octobre
đến thứ ba 20 Octobre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Quan-niệm về sử-học và phép chép sử của ta xưa — *Hoa-Bằng*
Luật thơ mới — *Lam-Giang*
Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXXXIII) — *Ứng-Hòe*
Tra nghĩa chữ nho (XX) — *Nguyễn văn-Tố*
Ban kịch Hanoi với « Thế chiến-quốc » « bóng giai-nhân » — *Cây-thông*
Cuộc thi tiểu-thuyết lịch-sử do Tri-Tân tổ-chức
Đính-chính và đính-chính — *Lê thọ-Xuân*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (VIII) — *Nhật-Nham*
Nam đàn bát châu tục thảo (VI) — *Tùng-Vân Nguyễn đôn-Phục*
Cách xếp đặt chữ nho trong tự-điển (IV) — *Đào Trọng-Đủ*
Những ông nghè triều Lê (XXXVIII) — *Ứng-Hòe*
Kỷ-niệm Sầm-sơn (I) — *Phạm Mạnh-Phan*
Nạn sinh-hoạt đắt-đỏ — *Nam-Châu*
Trúc mai sum-họp (XVI) — *Chu-Thiên*

0 $ 20

Quan-niệm về sử-học và
PHÉP CHÉP SỬ CỦA TA XƯA

HOA-BẰNG

MỚI ĐÂY, có mấy bạn trẻ trong nhóm « Buổi mới » đến chơi, bàn với tôi việc soạn loại sách về sử - ký. Trong khi nói chuyện, có hai ý-kiến khác nhau :

Một đằng : muốn biên soạn ngay loại sách sử-ký có tính cách phổ-thông để mong cho món sử - học có thể phổ-cập ngay đến đại-chúng

Một đằng trái lại, bàn rằng, trước khi muốn soạn sách phổ-thông về món sử-học, nay hãy nên khảo cứu từng thời kỳ một, từng triều-đại một, đợi khi tài-liệu đầy đủ, bấy giờ mới nói đến chuyện viết sử « phổ-thông » được. Vì hiện nay nhiều đoạn sử Nam, nhất là những đoạn về những triều - đại chiến bại hoặc mang tiếng là tiếm nghịch như nhà Hồ, 1400 - 1407, nhà Tây-sơn, 1778-1801, chẳng hạn hãy còn thiếu - thốn sai sót rất nhiều, thì bây giờ tài nào viết ngay được để mong đi đến cái đích « phổ-thông » ?

Vậy công việc của chúng ta ngày nay là nhặt lượm sử liệu, lựa chọn sử-liệu, phê-phán sử-liệu và khôi-phục sự thực. *Nhưng đồng thời ta cũng nên biết đến quan - niệm về sử-học của ta xưa như thế nào, phương-pháp chép sử của ta xưa, chỗ nào là được, chỗ nào là hỏng, rồi ta lại nên làm dần đến việc giới-thiệu những quan - niệm về sử-học và phương - pháp chép sử của ngoại-quốc ra sao. Sau khi đã có đủ tài liệu, đã biết rõ cái hay, cái dở của mình và cái cũ cái mới của người rồi, bấy giờ mới có thể bàn đến chuyện viết sử được. Bài này tôi hãy nói về quan niệm ta xưa đối với sử-học và một vài cái khuyết điểm của người mình chép sử ngày trước.*

.·.

Ta xưa, đối với quốc-sử, phần đông ôm một quan-niệm : Sử - ký là một bộ sách luân-lý treo gương giám giới khuyến trừng, giúp người làm lành, tránh dữ ; sử-ký là một bộ gia-phả của hoàng-gia, sử-thần có bổn - phận phải « phô đẹp đẽ, đậy xấu xa » đối với đương triều như lối « húy Lỗ » của kinh Xuân thu *; sử-ký là một bộ sách gồm có những mớ thần-thoại để làm câu chuyện mua vui cho những tinh hiếu kỳ ; sử - ký lại là một cuốn sách văn - chương chứa đầy điển cố và văn-liệu dùng để học trò ngâm đọc cho vui tai và sĩ-tử nhặt chữ làm văn chođạt cái đích tranh khôi giật giáp.*

Trong bài tựa bằng chữ nho ở bộ Ngự chế Việt-sử tổng-vịnh, *đề ngày mồng 5 tháng 6, năm Tự-Đức XXVII, 1874, vua Dực-Tông có viết : « ... Nếu không lấy xưa làm gương, khuyên lành, răn ác, thì dẫu muốn ai nấy đều hiền, mọi việc đều lành, làm trái với thiên tính và đứng vào chỗ không có lỗi đi nữa, nhưng lý-thế cũng không thể được nào. Ấy vì vậy không thể không đọc sử được. »*

Đề dâng lên nhà vua bộ Khâm-định Việt sử thông giám cương mục *khi đã xong trọn, bọn các ông Phạm thận Duật và Vũ-Như có viết một bài biểu đề ngày 21 tháng 7 hiệu Kiến-phúc năm thứ nhất 1884, trong có những câu như*

« Quốc-sử minh đắc thất chi tích, thuật ký vãng nhi chiếu phương lai.

« Thánh nhân bỉnh thị phi chi hành, ấp quần ngôn nhi thùy chí giáo... »

Nghĩa :

Quốc sử bày tỏ những dấu vết được, hỏng về chính-trị, thuật việc đã qua để dạy bảo đời sau.

Đấng thánh-nhân cầm cái cân khen phải, chê quấy, tôn trọng mọi lời nói của các nhà để dủ cái ý giáo huấn rất phải lẽ về tương lai...

Đó, quan-niệm về sử - học của ta xưa đại khái là thế.

.·.

Nói đến phương-pháp làm sử của người mình ngày trước thì nhà sử học Charles B. Maybon đã nêu cho ta thấy ở trong bài khai giảng khoa Nam-sử của ông ở trường Đại-học Hà-nội cũ từ năm 1907 : «...Sử nước Nam, người nước Nam tất ai cũng đã biết cả, không biết được tường tận thì cũng biết được đại-khái. Nhưng ai đã từng đọc các sách sử Nam, sử Tàu, tất cũng từng nhận thấy rằng các sách ấy còn có khuyết điểm nhiều. Các nhà làm sử nước Nam và nước Tàu hay có tính thiên-tư, không được công-bằng ; có khi vì tôn-trọng nhà vua quá mà đến chép sai cả sự thực đi ; nói đến các nước lân-bang thì thường là nói không đúng ; những chứng-cớ dùng để chép việc, tuy cũng có một vài người biết kiểm-

điểm sát hạch rồi mới dùng, nhưng phần nhiều không chịu xem xét kỹ, thế nào cũng dùng ; việc huyền - hoặc cùng với việc thường, chuyện hoang - đường cùng với chuyện thực lẫn-lộn, không có phân-biệt gì hết... » (1)

Lời phê-bình ấy của ông Charles B. Maybon tuy cũng có một đôi chỗ quá đáng, nhưng không phải xa hẳn sự thực.

Cứ như tôi thấy, thì phép chép sử của ta xưa, ngoài những cái khả-thủ, còn có vài cái khuyết-điểm này :

1.— Quá tôn kính *Xuân-thu* (2) và quá mô-phỏng lối chép của bộ sử *Thông-giám cương-mục*(3) của Tàu.

Trong bộ Khâm-định Việt-sử thông - giám cương - mục *của Quốc-sử quan triều Nguyễn có lời tiếng tuyên bố ở chỗ « Phàm lệ » rằng : « Đại-cương sách này nên phỏng theo lối chép của* Xuân-thu *và của* Cương-mục, *nhặt lấy việc lớn mà chép, lời văn cốt giản, cứng, mộc-mạc và thẳng thắn, mới là sử bút »*

Đó là lời châu - phê của vua Tự - đức, 1848 - 1883, nên các sử - thần trong Quốc - sử quán cứ theo con đường đã vạch ấy mà đi, cứ mô - phỏng lối chép của Xuân - thu *và của* Thông-giam cương - mục *Tàu mà làm bộ* Khâm-định Việt-sử. *Nào có xét* Xuân-thu *là một bộ sử biên-niên do Khổng-tử san định, quá thiên về chủ-quan, lúc nào cũng muốn giấu cái dở cho nước Lỗ, nên đã chép lắm chữ rất mập-mờ, gây mối bàn cãi tranh luận mãi cho hậu nho, lại lắm khi dùng chữ quá vắn-tắt và sơ-lược, nên đời sau khó thấy rõ được sự thực của người và việc ở đương-thời. Thế là* Xuân-thu *đã phạm vào nhiều điều tối-kỵ của nhà làm sử, và dắt bộ* Cương-mục *của Chu-Hi đời Tống sau này cũng đi vào con đường lầm-lạc ấy.*

2. — Sử ta quá sơ-lược ở chỗ quan - trọng của toàn thể quốc-dân, nhưng lại quá kỹ ở chỗ cá-thể của vua chúa.

Chỉ vì tôn theo lối chép của Xuân-thu, các sử thần ta xưa thích làm quá giản, quá cứng đến nỗi đối với những việc quan-trọng lại cho là không cần, thành thử nhiều khi tỏ ra quá lược, quá dối. Chẳng hạn như mấy việc tôi cử làm lệ sau đây :

a) Việc Lý Thường Kiệt (4), hồi tháng 11, năm ất-mão, niên-hiệu Thái-ninh thứ tư 1075, đời vua Lý Nhân-Tông, vâng mệnh vua, dấy đại binh, kéo sang Tàu, kể tội, đánh Tống, hãm châu Khâm, châu Liêm. Khi tiến quân sang Tàu, bọn ông Lý Thường Kiệt có yết ra khắp nơi một bài lộ-bố, tức như lối giải truyền-đơn của các nhà hành binh ngày nay, trong kể tội nhà Tống thi-hành cái phép « thanh miêu trợ dịch », rắc độc làm khổ nhân-dân, nên ta phải dấy quân để cứu-vớt họ. Thế mà nguyên-văn bài lộ-bố ấy ra sao, không thấy Khâm-định Việt-sử *chép đủ.*

b) Bài Bình-Ngô đại-cáo *của Nguyễn-Trãi là một áng văn rất có giá-trị về sử học và văn-học, trong có nói rõ cả ngày tháng những trận trong năm định-vị, 1427, như ngày 18 tháng 9, Liễu-Thăng bị quân ta đón đánh và lừa cho quân giặc trúng kế ở đồng Chi-lăng thuộc Đồng mỏ, Lạng sơn bấy giờ, qua ngày 20 tháng ấy, Liễu-Thăng bị quân ta đánh bại, phải chết ở núi Mã yên. Đến ngày 25, tham-tướng nhà Minh là Lương-Minh phải hãm trận mà mất xác, ngày 28, thượng-thư nhà Minh là Lý Khánh phải đâm cổ mà chết vì kế đã cùng. Ấy thế mà* Khâm-định Việt-sử *quyển XIV, tờ 27-28 chỉ trích lược thôi, chứ không chép đủ toàn bài.*

c) « An nam hành quân pháp » là một cuốn binh-thư của đời Lý, trong ấy chừng nói về chế - độ binh-bị và phương-pháp tổ-chức việc hành binh của ta ra sao. Một khi sách đó lọt dưới mắt Sai-Diên-Khánh đời Tống Thần-Tông 1068 1085, thì Khánh bắt chước ngay binh pháp của Lý mà ứng dụng ở nước Tàu. Tài-liệu nay thấy chép trong Tống-sử và nhà học-giả Lê qui-Đôn có dẫn trong Vân đài loại ngữ, *mục Điền-vựng*

Hãy đọc

VÀNG SAO

Văn xuôi của thi sĩ CHẾ LAN VIÊN

Bìa do họa sĩ Lưu văn Sin trình bày

In toàn trên giấy vergé bouffant giá đặc biệt 2 p. 60

Nhà xuất bản Tân-Việt 49 – Takou Hanoi

Sắp có bán

TRIẾT HỌC KANT

của NGUYỄN - ĐÌNH - THI

Đang in

Triết học NIETZSCHE

«Tủ sách triết học» TÂN-VIỆT

Nha sách MAI QUANG 110. G Guynemer chợ cũ, Sa'gon nhà sách được nhiều tín nhiệm

(5). *Nhưng tác-giả Lê qui-Đôn cũng không kê cứu được đầy đủ về « An-nam hành quân pháp » ấy khiến cho chúng ta ngày nay không biết rõ ai ở đời Lý đã tổ chức ra lối hành quân có chính binh, cố đội cung tên, có đoàn người ngựa, và khi lâm trận có lối đóng đánh và mở đánh vân vân như thế ?*

d) Bộ **Đại - việt sử-ký bản kỷ thực lục** *quyển XIII chép về công việc dưới triều vua Lê Thánh-Tông 1460-1497, có lắm chỗ chỉ chép những con số trống mà không có minh văn làm rõ những con số ấy ! Cử lệ : Tháng 11 năm Hồng-đức thứ tư 1473, hiệu định những luật lịnh riêng về việc chinh Man gồm 10 điều ; ngày mồng 7 tháng 6 nam Hồng-đức thứ bảy 1476, ban sắc dụ 20 điều; tháng 3 năm Hồng-đức thứ hai mươi ba, 1492, thân minh các lệ 130 điều . . . Nhưng dưới những con số ấy không thấy sử thần chép rõ là những điều gì cả !*

Đại khái những việc cần thiết như vậy thì sử bút lại quá sơ lược mà, trái lại, đối với những việc về cá thể nhà vua như lập hoàng-hậu, lập thái-tử, sử thần lại nghiên cứu và bàn luận một cách kỹ lưỡng, cẩn thận lắm !

3.— Ứng dụng cái thói trại tên tức là kiêng húy, trong các sách vở thuộc loại sử-ký.

Ta xưa có tục kiêng tên các vua chúa trong triều đại đương trị vì.

Áp dụng lệ ấy vào sử, **Khâm-định Việt-sử** *có thanh minh trong mục «* **Phàm lê** *» : «Hễ gặp những chữ quốc húy trong tên người, tên đất thì đã kinh đổi ra chữ khác để tránh rồi, nhưng tựu trung hễ gặp chữ húy trong văn nghĩa thì hoặc bớt đi một nét, hoặc để trống một bên . . . để tỏ ý kính cẩn » — quyển đầu tờ, 14.*

Vì thế, xưa nay hễ gặp những tên người trong lịch sử mà trùng với tên húy vua chúa một triều đại nào, ta thường theo lục trại tên ấy mà viết và đọc khác đi, chẳng hạn như Chiêu-*thống viết là* Triệu-*Thống,* Nhậm - *Diên là* Nhâm-*Diên,* Nhậm-*Hiêu là* Nhâm *Hiêu, Võ văn* Nhậm *là Võ văn-*Nhâm, *hoặc Võ văn-*Sĩ, *v.v. đó. Như vậy chẳng khác gì cái tệ khi viết những chuyên danh từ về nhân vật hoặc đất đai trong Nam-sử, nhiều soạn giả người Pháp thường hay bỏ dấu quốc-ngữ hoặc viết theo văn tây, khiến người đọc đến sai cả tên thật.*

Thế là rất trái với thuyết chính danh của Khổng - Tử ! Danh không chính thì lời nói không thuận.

Còn cái thói hay xen lẫn những chuyện mê tín, những việc hoang đường trên trang sử sách xưa, tôi sẽ nói đến ở một bài khác.

***

Như các bạn đã thấy, quan niệm đối với sử học và phép chép sử của ta xưa, đại để có những khuyết điểm là thế. Trước khi muốn bổ cứu lại, tất ta phải biết rõ chỗ nào là hỏng, chỗ nào là được, cái gì của ta mà dở thì cũng nên bỏ, cái gì của người mà tốt thì cũng nên dùng.

Để kết luận bài này, tôi xin mượn mấy lời của giáo-sư James Harvey Robinson : « Ý nghĩ lịch sử rất rộng, tài liệu lịch sử rất tạp, nhiều sử gia cũ đối với việc lựa chọn sử liệu thật không được ổn thỏa và đích đáng mấy ! . . . Lịch sử không phải là một thứ học vẫn đứng im không tiến bộ đâu. Chỉ cần cải lương cái phương pháp nghiên cứu, sưu tập, phê bình và dung hóa những tư liệu mới, thì khoa lịch sử chắc có thể tiến bộ được. Quan niệm và mục đích của lịch sử là phải nên theo mà biến đổi cùng một lúc với xã hội và khoa học xã hội. Vả, lịch-sử là một món sau này quyết có thể chiếm trong cuộc sinh hoạt tri thức của chúng ta một địa vị trọng yếu hơn trước ».

HOA-BẰNG

---

1) Theo bản dịch của T.C. trong Nam phong số 130, juin 1928.

2) Xuân thu vốn là tên sách sử ký của nước Lỗ, đức. Khổng tử đứng lên san định lại, chép việc từ đời Lỗ Ẩn công nguyên niên đến đời Lỗ Ai công năm thứ 14, gồm 12 công, cộng 242 năm. Nó là một bộ sử biên niên thường ngụ ý khen chê bằng một hai chữ rất sâu xa kín đáo, để khuyên người lành, răn kẻ dữ khiến đời rõ rằng được Xuân thu khen là vinh mà bị chê là nhục.

3) Bộ sử này, là do ông Chu Hi đời Tống phỏng theo cái lệ chép của kinh Xuân thu, rồi nhân bộ Thông giám của Tư mã Quang mà làm ra. Trong chia làm cương và mục : cương là kinh, mục là truyện. Sau trao cho môn nhân là Triệu Sư Uyên làm trọn. Sách gồm 59 quyển.

4) Lý thường Kiệt người phường Thái hòa, thành Thăng long, do chân Hoàng-môn chi hậu làm đến thái úy, trải thờ ba triều, phá Tống, bình Chiêm, võ-công đứng vào hàng thứ nhất trong lịch sử Nam việt. Coi thêm mục « võ-tướng » trong *Việt sử tổng vịnh* và *Khâm định Việt sử, chính biên* quyển III, tờ 34 — quyển IV, tờ 5.

5) Xin coi lại bài Binh pháp nhà Lý được ứng dụng ở nước Tàu trong Tri Tân số 12, trang 14.

Muốn làm giàu,
mua vé số
Đông-Pháp
1p. một vé

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 38 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

KHOA nhâm-thìn 1472, năm Hồng-đức thứ ba, đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân, mười-bảy ông là những ông sau này :

1. — Chử-Phong, người xã Cối-giang, huyện Đông-ngàn. Vâng mệnh đi xứ Tàu, làm quan đến đề-bình giám-sát ngự-sử. Sinh ra Chử-thiên-Khải, là tổ bốn đời Chử-sư-Đỗng, tổ năm đời Chử-sư-Văn ; lũy thế đăng khoa *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 18 b :

2. — Nguyễn-tắc-Trung, người xã La-giang, huyện La-giang. *Đăng khoa bị khảo*, sách viết của Bác-cổ, số A 485, quyển Nghệ-an, tờ 18 a, chép là người xã La-sơn, huyện La-sơn, phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Đỗ năm hai-mươi-ba tuổi. Làm quan đến đô cấp-sư trung *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 18 b.

3 — Nguyễn-đình-Phương, người xã Vu-thai, huyện Bạch-hạc. Đỗ năm hai-mươi-chín tuổi. Làm quan đến hiến-sát-sứ *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 61 a ; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 18 b.

4 — Vũ-đức-Trinh, người xã Nỗ-bạn, huyện Thanh-đàm. Làm quan đến thượng-thư *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 18 b.

5. — Nguyễn-kính-Tu, người xã Đỗng-xuất, huyện Đông-ngàn. Làm quan đến Hàn-lâm *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 18 b.

6 — Nguyễn-Bảo người xã Phương-lai, huyện Vũ-tiên. Làm quan đến Lễ-bộ thương-thư, coi việc viện Hàn-lâm, hiệu là Châu-khê, có tập thơ Châu-khê lưu-hành đời bấy giờ *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 18 b.

7. — Nguyễn-Thái, người xã Sa-sơn, huyện Giáp-sơn, tỉnh Hải-dương. Đỗ năm ba-mươi-ba tuổi. *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 86 a, viết là hai-mươi-ba tuổi, làm quan đến Lại-bộ thượng-thư, coi việc viện Hàn-lâm. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 18 b, in là Lễ-bộ thượng-thư.

8. — Nguyễn-Lan, người xã Nghĩa-đô, huyện Từ-liêm. Đỗ năm ba-mươi-ba tuổi. Làm quan đến Hình-khoa đô cấp-sự trung *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 18 b.

9 — Nguyễn-nhân-Dư, người xã Kim-đôi, huyện Vũ-ninh. Đỗ năm mười-bảy tuổi. Làm quan đến hiến-sát-sứ. Là em Nhân-Bị, Xung-Xác và Nhân-Thiếp, là anh Nhân-Dịch : lũy thế đăng khoa *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 19 a.

10 — Vũ-Hựu, người xã Dung-quyết, huyện Thanh-miện, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến thiêm-đô ngự-sử *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 52 a.

11. — Nguyễn-Trọng, người xã Đồng-dương, huyện Thanh-oai. Vâng mệnh đi sứ. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, vào hầu tòa Kinh-diên, coi việc viện Hàn-lâm Con là Nguyễn-Nghiễm dời đi ở làng Triều khúc : phụ tử đăng khoa *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 19 a.

12 — Nguyễn-Ánh, người làng Đăng xá huyện Gia-lâm. Làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ *Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 19 a.

13 — Nguyễn-đoan-Lương, người xã Hoằng-liệt, huyện Thanh-đàm *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 19 a.

14 — Lê-tuấn-Ngạn, người xã Vĩnh-lộc, huyện Tế-giang ; nhà ở xã Ngọc-bộ Đỗ hội-nguyên. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan thương-thư *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 19 a.

15. — Đỗ-thuần-Nhân, người xã Cổ-phạm, huyện Đông sơn *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 19 a.

16. — Đinh-Đỉnh, người huyện Vĩnh-ninh *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 19 a.

17. — Đào-nam-Kiệt, người xã Khúc-thủy, huyện Thanh-oai. Làm quan đến thừa-chính-sứ. Sinh-ra Đào-công-Thích : phụ tử đăng khoa *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 19 b.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Hai quyển sách mà ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho muốn biết thêm :

Chữ nho học lấy | ***Mẹo chữ hán***

Cử nhân Dương Bá-Trạc *Soạn* | Bùi Trình-Khiêm *Soạn*

Giá 1p — Cước 0p12 | Giá 0p35 — Cước 0p06

Đề cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70, Bach-mai—Hanoi zône

LUẬT THƠ MỚI

LAM-GIANG

Đã gần mười năm rồi, phong-trào thơ mới do bạn thanh niên tân-học khởi xướng và phong trào ấy ngày nay đã tràn khắp nơi. Ta có nhiều thi-sĩ, và theo sách « *Thi-nhân Việt-nam* » mới xuất-bản, ta có đến 40 ! Tuy vậy, trong văn-học Việt-nam không có một Malherbe, một Boileau nào cả, nghĩa là thi đàn ta không có một nhà « lập thi-pháp». Có nhiều thi-sĩ xướng thuyết thơ điên, thứ huyền-bí, thơ tôn-giáo, thơ loạn v. v., nhưng lý-thuyết không có cơ-sở vững-vàng, nên bị tiêu-vong rất nhanh-chóng Những lý-thuyết đó chỉ nói về nội-dụng thơ, chứ không nói về hình-thức thơ. Về hình thức họ đã hô-hào đánh đổ luật Đường, nhưng rốt cuộc luật Đường vẫn tồn tại. Phá-hoại mà không kiến-thiết : đó là một điều bất hợp lý.

Tôi theo phong trào mới, và nhìn thấy khuyết điểm không qui tắc của thơ mới, tôi lập tâm thảo một qui luật cho thơ mới đã lâu

Nay xin tóm tắt tất cả các yếu điểm lập-luận về luật thơ mới để chất chính cùng các bậc cao minh.

Trước nhất, đọc rất nhiều thơ mới, để tìm những câu thơ có nhạc-điệu du-dương. Đó là thời kỳ sưu-tập tài-liệu. Thứ đến, dùng lý-trí phân-tích xem câu thơ này vì có những điều-kiện gì mà nghe êm dịu, du-dương. Công-việc thứ ba là tìm những nguyên-tắc căn-bản (principes fondamentaux) của thi ca, và tìm ra luật.

Muốn bợp lý-luận học, trước nhất phải định nghĩa hay chính danh những chữ dùng, vì không định nghĩa thì danh không chính nói không thuận, việc không thành.

I Định nghĩa

Thơ ; gợi được mỹ cảm gọi là thơ.

Nhạc : âm-thanh tiết-tấu có qui-tắc gọi là nhạc. Tánh chất cốt-yếu của nhạc là hòa, hòa thì không thiên về cực-đoan (extrême)

II Nguyên-tắc căn bản

A. Ai nói thơ, tất nói nhạc luật (qui dit poésie, dit harmonie) Không có nhạc, không gọi là thơ. Nhạc là điều-kiện cốt-yếu của thơ vậy.

B. Ai nói nhạc-luật, tất nói quân bình (qui dit harmonie, dit loi de l'équilibre). Không có quân bình, tức là không có nhạc. Quân bình có nhiều trạng-thái, đại-loại chia làm ba :

1· Quân-bình song-lập, dùng trong thơ tứ ngôn.

2· Quân-bình tam phan, dùng trong thơ thất ngôn và trong thơ mới bây giờ.

3· Trật tự quân-thế (principe de l'hiérarchie) do Ruskin đề-xướng.

III. Luật cần yếu

A. *Cắt mạch (césure)*—Một câu thơ tám chữ có thể chia làm hai phần ; phần thứ nhất 3 chữ; phần thứ hai 5 chữ, phần thứ nhứt 5 chữ, phần thứ hai 3 chữ. hoặc chia ba phần, phần thứ nhứt 3 chữ, phần thứ hai 2 chữ, phần thứ ba 3 chữ.

8 = 3 — 5
= 5 — 3
= 3 — 2 — 3

B. *Vần.*— Có thể gieo vần theo ba lối : liên-vận (rimes suivies), cách-vận (rimes croisées) đầu vĩ liên-vận (rimes embrassées).

t b
t hoặc b } liên-vận
b t
b t

ĐÃ CÓ BÁN :

Thi-Văn tập

của Phan Mạnh Danh

Soạn giả tập Bút-Hoa, quyển sách được đức Hoàng-Thượng ngự lãm và ban thưởng Kim-khánh cho tác giả. Thi-Văn tập có lắm bài rất tài-tình và điêu-luyện, người đã biết xem văn không thể không thưởng thức Thi-Văn tập. Sách do cụ Thượng Phạm-Quỳnh đề tựa, Nguyễn-trung-Khắc (111 Rue du Cuivre Namdinh) xuất bản—Giá 2p20

Chuyện ly kỳ, thơ thánh thót, văn thanh tao là tập

Hồng-Kiều

của Phan-Mạnh-Danh

Sắp xuất bản

t b
b t
hoặc
t b
b t } cách-vận

t b
b t
hoặc
b t
t b } đầu vỹ liên-vận

C. Thề bình trắc. — Câu thơ nào sau cùng có tiếng *trắc* thì mệnh danh là câu thơ trắc ; câu thơ nào sau cùng có tiếng *bình* thì mệnh danh là câu thơ bình. Trong một câu thơ trắc, chữ thứ ba, thứ tám trắc thì chữ thứ năm bình. Trong một câu thơ bình, chữ thứ ba thứ tám bình thì chữ thứ năm trắc. Tóm lại, có hai thề :

3 5 8
t b t
b t b

Ký-tuyến đồ (graphique) chữ trắc vẽ đi lên, chữ bình vẽ đi xuống:

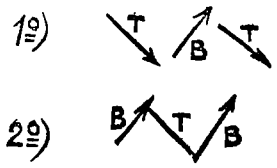

Phụ thêm một luật thứ ba : Trong một câu thơ trắc, chữ thứ 6 phải đặt bình, nếu đặt trắc sẽ khổ độc. Trong một câu thơ bình, chữ thứ 7 cần phải đặt bình, nếu đặt trắc sẽ kho-độc.

Lại có thề một thề tám chữ khác, cắt mạch sau chữ thứ ba, thứ 6 và thứ 8. Ta có ba cách cắt mạch :

8 = 3 — 5 hay 5 — 3 hay là 3 — 3 — 2.

Vậy, chữ thứ 3 thứ 8 bình thì chữ thứ 6 trắc và chữ thứ 3 thứ 8 trắc thì chữ thứ 6 bình. Tóm lại, nguyên tắc quân-bình là một nguyên-tắc tuyệt-đối của nhạc luật, không hề di-dịch. không thề không theo.

Nếu phải biện chứng thì xin cử ra đây hai đoạn thơ để đối-chiếu.

Trống mão điểm ( ) trời sâu (b) tăm-tối mãi (t) và giòng sông (b) Dịch thủy (t) nặng-nề trôi (b)

(Huy Thông)

Cây không hẹn (t), đến ngày mai (b) sẽ mát (t) (Xuân-Diệu)

Miễu-luật. Chữ thứ ba trong câu thơ trắc có thề đặt bình. Ví dụ :

Người là nàng, (b) ta gặp nàng (b) đêm trước (t).

(Bích-Lam)

Bạn đọc muốn rõ giá-trị luật này chỉ làm hai việc :

1° Đem luật này đối chiếu với thơ văn các thi-sĩ hiện-kim, câu nào ngoài luật này đều khổ độc ;

2 Đem luật này thử làm thơ sẽ thấy thơ có âm-điệu.

Nói nhiều thêm lắm chuyện. Tôi không bảo luật tôi đề nghị đó là tuyệt đối, tôi chỉ nói luật đó là một phương-tiện hoàn-mỹ để làm thơ. Sự lập luận tôi chỉ có bấy nhiêu điều.

Có người hỏi : « Anh bày ra luật, vậy anh có dùng nổi luật của anh khô g ? » N u tôi k ông dùng được luật tôi, tôi sẽ mâu thuẫn cùng tôi biết mấy ! Vậy xin chép một bài, vì « nhập thế cục bất khả vô văn tự » kia mà.

Khẩn cáo

Bản chí xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên kíp gửi ngay mandat về trả cho, chúng tôi rất cảm ơn các bạn

TRI TÂN

Tiêu vong

Mộng canh sương buồn như ngày nắng mới
Để thời xưa rang-chuyền với đêm thâu,
Giờ quá đỗi trang-nghiêm không dám nói
Cho xao khua êm-dịu dưới mây sầu
Xa vời vợi là muôn giờ cách biệt
Của hồn linh từng sống buổi sơ-khai,
Và gần gũi là ưu-tư nhớ tiếc,
Đìu hiu như sóng bạc giữa sông dài !
Ôi ! Lan Hương ! từ khi về núi tuyết,
Tiếng ly-ca còn lướt dưới đêm huyền,
Buồn chia ly tiếp theo sầu vĩnh biệt
Vỡ tan rồi, mộng đ p của tình duyên !
Hỡi trinh nữ với mắt sầu ai oán,
Khi ngước nhìn buồn rũ cối xa xăm !
Hỡi đôi môi làm xiêu hồn rối loạn
Đỏ hơn giòng huyết lệ của muôn năm ?
Bởi vì đâu tình trai chưa kịp nở
Mà mong chờ tịm chết giữa mây tang ?
Sao xương trắng nằm yên trong nấm mộ,
Còn đôi lần ứa máu rỉ lời than ?
Hỡi hồn lạc bơ-vơ nương bóng tối
Ôi đêm dài không có ánh sao trăng !
— Người làm chi mà sa vòng tội lỗi
Trả lời ta một tiếng hỡi trời băng !
— Người đã nguyện tình yêu là tuyệt đích,
Thì muôn đời quằn-quại bến tanh mê.
Trời bỏ mặc trần-gian theo sở-th ch,
Thì đường đi tiên đ ệt khó lai về !
Đành lẳng lặng mà chờ ngày mạt số,
Hết phương vị cứu chữa được Trần-gian,

LAM-GIANG

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 48 Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Kim Vân Kiều

Bài nối

Quyển *Đoạn-trường tân-thanh* của cụ Kiều-oánh Mậu và quyển *Kiều* nôm in ở Quán-văn-đường, mà người ta thường gọi là « bản *Kiều* của cụ Chu-mạnh-Trinh » đều chép thứ tự như sau này :

Những điều trông thấy đã *đau-đớn lòng.*

Bản quốc ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh và một vài bản nữa thì in là :

Những điều trông thấy mà *đau.đớn lòng.*

Chữ *mà* và chữ *đã* ở câu này nghĩa cũng như nhau, không lấy gì làm sai ; nhưng chữ *đã* có ý mạnh hơn : trông thấy bể dâu biến-đổi, *đã* sẵn mối thương tâm...

Câu thứ tám, trong bản nôm in là :

Phong-tình có *lục, còn truyền sử-xanh.*

Nhiều người đọc là :

« Phong-tình cổ-lục » *còn truyền sử-xanh.*

Nên theo chữ *có* trong Kinh-bản, nghĩa là có chuyện phong-tình còn để lại trong sách : chữ phong-tình là tiếng nôm của ta, chứ không phải là danh từ của Tàu ; vả lại không có tên chuyện nào gọi là *Phong-tình cổ-lục.*

Hoa cười ngọc nói *đoan trang.*

Bản quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là :

Hoa cười ngọc thuyết *đoan trang.*

Chữ *nói* với chữ *thuyết* nghĩa cũng giống nhau ; nhưng theo Kinh-bản lấy chữ *nói* phải hơn, vì *ngọc nói* đối với *hoa cười* là tiếng nôm cả ; không nên pha chữ vào.

Bản nôm của cụ Kiều-oánh-Mậu và cụ Chu-mạnh-Trinh đều chép :

Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành hòa *hai.*

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép câu dưới là :

Sắc đành đòi một, tài đành họa *hai.*

Rồi ông chua nghĩa rằng : « Đẹp thì đành có một mình, tài thì họa may mới có được người nữa ». Chua nghĩa như thế có lẽ không hợp với câu ;

So bề *tài sắc* lại là *phần hơn.*

Nguyên câu :

Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Dịch ở chữ Hán của Lý-diên-Niên : « Nhất cố có bản viết là nhất tiếu, khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc », một lần trông có bản viết là một lần cười nghiêng thành người, hai lần trông hoặc cười nghiêng nước người, nói Kiều có sắc đẹp làm nghiêng thành nghiêng nước Chữ một hai ở đây cũng như chữ một hai trong câu : « Sắc đành đòi một, tài hành hòa hai », không dùng theo nghĩa đen mà dùng vào nghĩa tài sắc của Thúy Kiều là bậc nhất nhì thời bấy giờ. Cụ Kiều-oánh-Mậu nói « *đòi,* hòa là tiếng lịch-sự, *đòi* nghĩa là nhiều như đòi phen ; *hòa* nghĩa là đều cả, như hòa hai. Nếu cắt nghĩa sắc Kiều đành có một mình, thì chữ *đòi* không có nghĩa ; nếu cắt nghĩa tài của Kiều họa có người nữa, thì trái với câu : « So bề *tài sắc* lại là *phần hơn* ». Có lẽ không nên câu-nệ ở chữ một hai mà cắt nghĩa vụn vặt theo nghĩa đen như thế.

Khúc nhà tay lựa nên xoang,
Một cung « *Bạc-mệnh* » *lại càng não nhân.*

Có bản chữ nôm và bản chữ quốc ngữ chép chữ *xoang* là chữ *chương* và chữ cung là chữ *thiên* : cụ Kiều-oánh-Mậu cho là không đúng.

Nguyên văn chữ Hán bài *Bạc-mệnh* như sau đây :

Hoài cố-quốc hề, thán ná Sâm Thương !
Bi luân-vong hề, ngọc dung hà tường !
Tỷ muội cố sủng hề, nhất triêu câu tử ;
Đông quân bất lệnh hề, phụng tiên diệt vong !
Hầu môn tự hải hề, Tiêu-lang mạch lộ ;
Thất thân phỉ loại hề, mậu-lâm tranh quang !
Vị lang tiêu-tụy hề, cập nhĩ đồng tử ;
Ly hồn tình trọng hề, thiền xướng ám thương !
Tử phụ phụ-thi hề, sinh đại phụ tử ;
Sủng suy hoàn phiến hề, nhĩ sinh bất sương !
Hữu thủy vô chung hề, bi hồ thất lữ ;
Môn tiền linh lạc hề, lão đại thùy tương !
Cổ kim hồng nhan hề, mạc bất bạc mệnh ;
Hồng nhan bạc mệnh hề, mạc bất đoạn trường !
Ngã bản oán nhân hề, nãi vi oán khúc ;
Văn thử oán khúc hề, thùy bất bi thương !

xem tiếp trang 20

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 20 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XI. — Chữ m

(bài nối)

Mâu thuẫn là lời nói trước sau trái ngược với nhau. Sách Thi-tử chép : « Nước Sở có người buôn giáo *(mâu)* và mộc *(thuẫn)* tự khen rằng : Cái mộc của ta bền, không ai đâm thủng được. Lại khen cái giáo rằng : Cái giáo của ta sắc, không vật gì là không bị thủng. Có người hỏi : « Lấy cái giáo của anh mà đâm cái mộc của anh thì thế nào ? » Người ấy không trả lời được ».

Minh-tinh là đồ tang ; có khi người Tàu gọi tắt là *minh*, lại có khi viết chữ minh là sáng. Sách *Ngô học lục* chép rằng : « Lấy lụa đỏ, viết phấn trắng, đem phẩm hàm để « mỗ quan mỗ công chi cữu », cái áo quan của ông mỗ tước mỗ. Lại viết họ tên riêng vào mảnh giấy, dán ở dưới minh-tinh ; sau khi đại-liễm treo ở cần tre dựa bên hữu linh-cữu ; khi chôn bỏ cần và mảnh giấy viết họ tên, chỉ đem minh-tinh bằng lụa giải ở trên chốc cữu ».

Mô - phạm là cái khuôn làm đồ : « chế khí chi hình » ; cho nên người nào đủ làm khuôn phép cho người ta theo cũng gọi là mô-phạm. *Dương-tử pháp-ngôn* có câu : « Sư-giả nhân chi mô-phạm giã », ông thầy tức là khuôn-mẫu cho người ta. *Mô* là phép, là khuôn bằng gỗ : « pháp giã, hình giã » ; *phạm* cũng là phép, là khuôn : « pháp giã, thức giã » ; *hình* là cái khuôn bằng đất để chế các đồ vật.

Môn là cửa, làm ở chỗ tường vách có thể mở ra mở vào để người ta đi lại ; một cánh gọi là *hộ*, hai cánh gọi là *môn*. Ở nhà gọi là hộ, ở khu-vực gọi là môn, như lý-môn là cổng làng, thành-môn là cửa thành, quốc môn là cửa ải.

Chữ *môn-hộ* cũng nghĩa như chữ gia là nhà : « do ngôn gia giã ». Sách *Tam quốc chí* chép : « Hoàn-Phạm bảo Tào-Hy rằng : « Vu kim nhật khanh-đẳng môn-hộ đảo hỹ », đến ngày nay môn-hộ của các ngươi đổ vậy. Cổ-thi có câu : « Kiện-phụ trì môn hộ », người vơ mạnh sửa-sang việc nhà. *Từ-nguyên* chua nghĩa chữ « trì môn-hộ » cũng nghĩa như chữ « trị gia », là sửa-sang việc nhà.

Môn-hộ là nơi ra vào phải qua, cho nên thường đem ví với chỗ bình-thế hiểm-yếu. *Tam quốc chí* có câu : « Nay giữ đất Dự-chương, tức là chẹn cuống họng mà giữ môn-hộ ».

Môn-hộ còn nghĩa là biệt-phái của một nhà, cho nên dựng ra bè đảng gọi là lập môn-hộ. Lời nói riêng của một nhà gọi là ý-kiến của một môn-hộ : « môn-hộ chi kiến ». Sách *Pháp-ngôn* của Dương-Chu có câu : « Ta với Tuân-Khanh và Tử-Tư, Mạnh-Kha cùng môn mà khác hộ ».

Ông Lê văn Hòe cắt nghĩa *môn-mi* là cái xà gỗ phía trên cửa, nghĩa bóng là cửa-nhà, thường dùng trỏ nhà cha mẹ đẻ của con gái » (*Tầm nguyên tự-điển*, trang 169). Nên cắt nghĩa theo *Từ-nguyên* là « gỗ ngang ở trên cửa, để biểu-chương nhà gia-thế. Trong *Trường-hận ca* của Trần - Hồng chép rằng : « Đồng-giao thời bấy giờ có câu : « Nam bất phong hầu, nữ tác phi, quân khan nữ khước thị môn-mi », con trai chẳng phong hầu, con gái làm bà phi, ngươi xem như thế con gái lại được môn-mi ». *Từ-nguyên* cắt nghĩa chữ môn mi ở đây là con gái làm vẻ-vang cho nhà cha mẹ. Nay gọi môn đệ cũng là môn-mi.

Dưới chữ *môn-hộ* ông Lê văn Hòe còn cắt nghĩa chữ « *chu-môn* nghĩa đen là cửa bỏ (chu là đỏ), nghĩa bóng là nhà giàu sang quyền quí ». Có lẽ phải xóa chữ « quí » vì *Từ-nguyên* cắt nghĩa chu-môn là « hào-phú chi gia giã », nhà hào-phú, là nhà giàu có thế-lực *Hàn thi ngoại truyện* chép xưa vua cho chư-hầu có công sơn cửa đỏ để phân-biệt. *Tấn thư Cúc Doan truyện* chép « Doãn là người Kim-thành cùng với họ Du đời đời là nhà hào-phú. Tây Chu có câu truyền-tụng rằng : « Cúc dữ Du ngưu dương bất sở đầu nam khai chu-môn, bắc vọng thanh-lâu », châu dê của Cúc và Du không đếm từng con, bên nam mở cửa đỏ, bên bắc trông lầu xanh ».

Còn nữa

Ứng hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Cải-chính

Báo Tr.-Tân, số 67, bài đề tên tân « cụ Tiền-điền với chúng ta » có in nhầm và sót vài đoạn, vậy xin cải-chính và bổ khuyết :

Đẹp trong tinh tình . in nhầm là đẹp trong tinh thần.

Triều đâng hôm sớm.. in nhầm là trời đâng hôm sớm.

Tài hoa đến nỗi « vì đem vào tập đoạn trường, thì treo giải nhất chi nhường cho ai? « — Đến khi bơ-vơ chiếc lá lìa rừng, hoa rơi đầu ngõ, thì đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên » — Bỏ sót mất « thì treo.. rơi đầu ngõ, thì.. »

— Như ẩn như hiện, như gần như xa, hoặc bay bổng trên chốn Hồng sơn Lam thủy, dưới lũy tre xanh làng Tiền điền, hay là đà giữa khoảng núi Nùng sông Nhĩ, trên làn nước đỏ bến Ai-mộ — Bỏ sót câu : « Hoặc bay bổng.. tre xanh làng Tiền-Điền ». — Xin các độc giả thứ lỗi.

Đính-chánh và đính-chánh

LÊ THỌ-XUÂN

ĐỌC Tri-Tân, thấy hai bạn thân của tôi là anh Long-điền và anh Nguyễn-Triệu viết sai mấy chỗ, tôi cần phải đính-chánh để gỡ cho hai anh ấy cái tội « vô ý làm lầm độc-giả ».

Trong bài « *Mười chuyện phi-thường* » ở trang 14 số 50, anh Long-điền có viết ba chỗ : « Tam-phu, sông Lật và sông Đăng».

Hai chữ «tam-phụ» ta nên dịch lại là Ba-giồng. Tiếng « giồng » ở trong Nam là một chỗ đất cao hơn mặt ruộng xung-quanh để người ta cất nhà và trồng trọt khoai, bắp, chuối, mía. Đất ấy nổi tự nhiên, nhưng chỉ nổi cao hơn mặt ruộng chừng ba bốn tấc. Thường thì bề ngang năm bảy thước hay vài chục thước mà bề dài thì có khi đến 5, 7 cây số ngàn.

Ba-giồng thì tôi chưa biết chắc-chắn là tại đâu, chỉ biết ở vào vùng từ giồng Cái ếu (Tân-an) chạy xuống Cai-lậy, vòng qua Rạch-gầm (Mỹ-tho) rồi trở lên Cái ếu. Có lẽ nguyên cả vùng ấy gọi chung là Ba-giồng.

Dẫu biết ông Aubaret chú rằng Ba-giồng là giồng Mỹ-quí (trong «*Description de la Basse Cochinchine*») dẫu biết ở Mỹ-quí có dấu vết thành xưa, tôi cũng cứ nghĩ như trên và Mỹ quí cũng ở trong vùng ấy.

Đến như viết «sông Lật» thì thật là không đúng một chút nào. Tôi thấy các sách hay các báo cũng cứ viết « sông Lật » hay «Lật-giang » chớ không phải riêng gì anh Long-điền của tôi. Chữ «Lật», thưa các bạn, phải đọc theo chữ nôm mới được. Mà đọc theo chữ nôm thì nó là chữ «Lứt». Đây là tên giống thực-vật có khi là thứ cây nhỏ gọi là «cây lứt», (rễ nó là nam sài-hồ) có khi lại là thứ dây bò gọi là «lứt-dây».

Vậy « Lật-giang » phải đọc là «Lứt-giang», mà *Lứt*-giang là sông Bến-*lức*, tức là Vàm-cỏ-đông (Vaico oriental.)

Bạn đọc đừng lấy làm lạ về hai chữ *Lứt* và *Lức*. Trong Nam thường không viết phân-biệt hai chữ «t» và «c» ở sau, cũng như những chữ có «g» và không « g ».

Còn « sông Đăng » hay « Đăng-giang» thì không mấy ai rõ vì nó đi rất xa tên thiệt của nó. Chữ «đăng» — tả một hữu đăng — là cây chanh, Vậy Đăng-giang là Rạch Chanh.

Ở Nam kỳ có rất nhiều Rạch-Chanh, nhưng RạchChanh nói đây là ngọn rạch chảy ở hữu-ngạn sông Vũng-gù (Tân-an) tức là Vàm-cỏ tây (*Vaico occidental*). Rạch nầy thông với Arroyo Commercial ngày nay.

***

Xong phần anh Long-điền, giờ đến phần anh Nguyễn-Triệu.

Phần anh nầy, trước khi nói chỗ lầm về địa-dư, tôi chỉ chỗ lầm về sử ký.

Trong Tri-Tân số 51, trang 20 về bài « *Tây Nam đắc bằng*», Triệu chép rằng ngày mồng hai tháng năm, chúa Nguyễn-Ánh lên ngôi, đặt niên-hiệu là Gia long và quốc-hiệu là Việt-nam.

Không phải thế. Năm Nhâm-tuất 1802, tháng năm, ngày mồng-một, canh-ngọ, chúa Nguyễn-Ánh tế cáo trời đất. Qua ngày mồng hai tân-vị, ngài cáo Liệt-thánh để xưng hiệu Gia-long.

Còn tên nước thì đổi ở một ngày khác.

Năm Giáp tý 1804, Gia-long tam niên, sau khi ra Bắc thọ phong, vua trở về kinh. Bấy giờ ngài mới kính cáo Thái-miếu và ban chiếu cải quốc hiệu lại là Việt-nam kể từ ngày 17 tháng hai năm ấy.

Lời chiếu dạy thêm rằng các việc trong nước hay đối với nước ngoài đều lấy tên nước là Việt-Nam, *chẳng đặng còn gọi tên An-nam như cũ*.

Về địa-dư thì trong Tri-Tân số 50, trang 22-23, Triệu viết lầm «bến Trà » và «Ba vạc».

Đây không phải Bến Trà, lời chua 15b, mà là sông Trà-tân. Sông nầy chảy ngay ra cù-lao Năm thôn ngũ-hiệp gần tỉnh-lỵ Mỹ tho.

Về chỗ nầy « Liệt truyện » chép là Trà-lọt. Sông Trà lọt, cũng gọi Tà lọt chảy vào khoảng giữa Cái thia và Cái bè, Mỹ tho. Hai chữ «Trà lọt», sử chép ra Trà luật».

Những sách của Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

1°) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25

2°) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 50

3°) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 50

4°) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 80

5°) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

Sở dĩ có cuộc lầm lẫn này là tại chữ « luật » viết dối coi giống chữ « tân » là bến (tả xích viết ra tả thủy)

Còn Ba-vạc thì sử chép ra Ba-việt, nhưng thiệt tên nó là chợ Ba-vát ở trên cù-lao Minh tỉnh Bến-tre.

Đến số 52, tran 15, về bài *Hữu-quân Nguyễn - văn - Nhân*, Triệu viết « Trận thất lợi ở ngã Ba-lai » rồi lại chua Ba-lai ở về hạt Sa-đec (trang 16).

Theo chỗ tôi biết thì đây là sông *Ba-rài* (Cai-lậy) gần sông Trà - tân thuộc tỉnh Mỹthọ. Triệu lầm như thế vì sử ta chép *Ba-rài* và *Ba-lai* đều là « Tả-thủy hữu lai », nghĩa là hai chữ như một.

Ba-rài lại chia Ba-rài-bắc và Ba rài nam, còn Ba-lai là con sông to làm ranh cho hai tỉnh Mỹ-thọ, Bến-tre.

Học địa-dư Nam-kỳ có chỗ rất khó là có nhiều tên theo âm cao-miên và phiên ra âm ta. Còn khó hơn nữa là vua Minh-mạng có ban chỉ - dụ dạy các quan khi gặp tên chữ nôm thì phải đổi ra chữ Hán như Ba-giồng dịch ra Tam - phụ Bến-ghé dịch ra Ngưu-chử, v. v...

Cũng như bao nhiêu người khác, hai anh Long - điền và Nguyễn-Triệu là nạn-nhân của đạo chỉ-dụ ấy. Vậy sự lỗi lầm của hai anh này còn có thể tha thứ được.

Bây giờ tôi xin trình với bạn đọc một người mà sự lỗi lầm không thể tha thứ được một cách dễ-dàng như hai anh bạn của tôi đó. Người này, thưa bạn đọc, là tôi đây.

Trong tập kỷ-yếu của hội Khuyến-học Nam-kỳ, về tiểu sử Trương-tấn-Bửu, tôi có chép rằng chúa Nguyễn-Ánh và bầy tôi đưa nhau đến Vàm - nao. Rồi tôi lại chua Vàm-nao là Hồi-oa.

Ngót năm cận nhẵn và sau khi đến tận Vàm-nao để xem giòng nước chảy mau đến cuộn lại như giòng sông Đuống, để xem nền đồn xưa chỗ nầy và ngắm nền đồn xưa bên kia, tôi mới dám chua Vàm-nao ra Hồi-oa như thế.

Mà chua thế là lầm to. Cái lầm này tôi xin chịu là không đáng thứ vì từ năm 1925, trong một tập du-ký cỏn con của tôi, không biết thấy ở đâu mà tôi đã viết : «Chúa Nguyễn-Ánh đóng binh tại Nước-xoáy và tứ cho làng sở-tại một cái tên rất tốt đẹp là Long-hưng »

Đa thế mà còn để cho lầm ! Tôi không được viện lẽ nào để bào chữa như sự lầm nầy, chỉ xin chua cho bạn đọc rõ rằng Nam-kỳ có Nước xoáy ở đoạn giữa rạch Mân-thít (gần chỗ Châu văn Tiếp tử trận) lại có Nước xoáy tại làng Long-hưng.

Chỗ trên ở về tỉnh Vĩnh - long, còn chỗ dưới ở về tỉnh Sa - đéc. Nay chỗ ngã ba nước xoáy tại làng Long-hưng nước không còn xoáy một tí nào vì con kinh mới đi lấp vò xoay chiều dòng nước. Vừa rồi, hai bạn Văn-Thỉnh và Khuong Việt có cùng tôi đến lại chỗ này để được biết Cây-da Bốn-Ngự, nầy nền đồn của đức Cao-hoàng, kia nền đồn của hàng tướng-sĩ.

Vậy tôi cho là một phận-sự phải « tự đính-chính » rằng *Hồi - oa* trong « *Thực - lục* » hay « *Liệt-truyện* » *là Nước - xoay* tại làng Long-hưng. Chỗ nầy các sách địa-dư về Nam-kỳ xưa nay cứ gọi là *Hồi luân* hoặc *Hoi thuy*.

Thế thì *Hồi-oa*, *Hồi luân* hay *Hồi-thủy* cũng là một chỗ *Nước xoay* nầy, và muốn cho dễ nhớ tôi xin bạn đọc mỗi khi gặp chữ *Hồi-oa* *Hồi luân* hay *Hồi thủy* thì cất giọng hát câu hát cũ :

« Qua sông nước xoay ngùi ngùi,
Nhớ Cao-hoàng trước chúa tôi một lòng »

LÊ-THỌ-XUÂN

Cuộc thi tiểu - thuyết lịch-sử do Tri-Tân tổ chức

Thể-lệ cuộc thi này đã đăng ở T. T. số 48, nay xin sửa lại một vài chi-tiết :

Đầu bài

Chọn lấy một cái cốt truyện bất cứ ở một đoạn nào trong sử-ký Việt-nam mà làm tài-liệu để viết lấy một thiên tiểu-thuyết dài.

Thể lệ

Trong thiên tiểu-thuyết lịch-sử ấy những nhân-vật chính phải là những người có tên thật trong lịch-sử. Những chi-tiết thì được thêu-dệt bày-đặt.

Phải là truyện chưa từng đăng lên báo hay in thành sách bao giờ.

Bản thảo hoặc viết tay, hoặc đánh máy đều được cả, nhưng phải viết một mặt giấy và viết tinh tường, dài ít nhất là hai trăm trang giấy học trò.

Giải thưởng

Có ba giải thưởng :

Giải nhất : 100 p. và hai năm báo báo Tri-Tân.

Giải nhì : 50 p. và một năm rưỡi T.-T.

Giải ba : 30 p. và một năm báo T.-T.

Nếu cần thì lâm thời sẽ định thêm mấy giải khuyến-khích nữa

Nói thêm

Phàm những quyển nào trúng giải, đều lần-lượt đăng lên Tri-Tân để các bạn đọc thưởng lãm. Sau khi đăng hết một lượt lên báo T.-T. rồi, bản quyền vẫn thuộc về tác-giả.

Hạn thi nay vì chiều ý nhiều bạn yêu cầu, xin gia đến cuối juin 1943 là hết.

Khi khóa sổ thu quyển, T. T. sẽ xếp đặt việc chấm. Khi chấm xong sẽ tuyên bố kết quả.

Bài dự thi xin gửi cho ông chủ nhiệm báo Tri Tân, 195 Hàng Bông, Hanoi. Dưới bài chỉ ký tên hiệu riêng. Còn tên thật và chỗ ở thì viết riêng ra một mảnh giấy mà đính phụ vào bài thi, để giữ công bằng trong khi chấm.

Ngoài bao bì nhớ đề « dự cuộc thi tiểu thuyết lịch sử » T. T.

Du-ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 8

NHẬT-NHAM

HÔM phiên chợ Bản-ti, có đủ các thổ - dân tới họp với các nông-sản và lâm-sản : gạo, ngô, măng, mộc-nhĩ, chè, mật ong, sáp ong, gà, vịt, vải chàm, trứng gà, trứng vịt. Trong chợ cũng có nhiều người kinh bán các thứ vải, các đồ dùng buôn từ xuôi-tải lên, Chợ cũng đông vui. Thợ và phu mỏ các nơi được nghỉ chủ-nhật cũng về chợ sắm sửa. Gia quyến các nhân - viên mỏ đều có mặt tại chợ để mua các thứ cần-dùng. Ấy giữa phiên chợ này, tôi đã gặp một thiếu phụ thuật lại chuyện ngựa ông kiểm-lâm Chiêm-hóa đã kể ở trên.

Dân thổ trước bán hàng xong, chỉ cần nhất mua muối, mỡ lợn, dầu thắp đèn,

Tổng-lý các nơi cũng chờ đến ngày phiên chợ ra chơi chợ và hầu quan một thể.

Tôi nhân được trực tiếp với các chức dịch tại nha *Bản-ti*.

Một người quản Mán trình quan : có một thiếu nữ Mán thường vẫn đi chợ Bản-ti, rồi có mang với một người thợ mỏ người kinh và xin phép quan bắt khoán về tội « làm mất tiếng tốt của người Mán », để làm gương cho kẻ khác.

Gia-đệ bèn y cho phép và chiều theo hương ước người Mán, cha mẹ thiếu phụ phải nộp 10p, vào quĩ Cứu-tế hàng tỉnh và phải làm rượu ta dân làng xin cải lỗi.

Tôi tự nghị : không ngờ tại nơi sơn cùng, thủy tận, mà giữa một dân tộc mốt đời sinh trưởng trên đỉnh núi, tại một nơi hưu quạnh, xa những cuộc cạnh-tranh, cái lễ giao cổ-điển còn được duy-trì đến như thế. Thế mới biết cái hay thì dù thời đại nào, dân tộc nào; xứ-sở nào cũng được tôn sùng ! Tiếc thay ! Cái hay ấy hình như gần đây không còn ảnh hưởng đến nền luân-lý của người mình vốn có sẵn văn-hóa từ nghìn xưa ! Ta xem chuyện người Mán, ta lại nghĩ đến cái khuyết-điểm của ta, khỏi sao chẳng thẹn với người rừng xanh núi độ ?

Một người Tổng đoàn ra chợ thiếu tiền sắm sửa, thân hành lên nha mượn tiền quan. Gia-đệ, sau khi giao 10p cho Tổng đoàn, cho tôi biết « Tổng lý vay tiền quan luôn luôn ! Tiền họ không có cho quan, trái lại quan phải cho họ vay Như vậy, quan Thượng - du dù không muốn thanh liêm cũng buộc phải liêm khiết ! Điều cốt yếu phải cho tổng-lý vừa lòng, mới để sai khiến mọi việc. Mà Công việc bao giờ cũng phải để lên trên hết các vấn-đề. Vì vậy, lúc nào cũng phải với tổng lý như người nhà. Việc cai - trị trên này khác dưới xuôi những điều ấy »

11 giờ sáng, chợ đã tan, vì dân các vùng xa, cần phải về sớm cho kịp tới nhà.

3 giờ chiều, chúng tôi khởi hành đi thăm chùa Hang thuộc xã Yên-thịnh cách chợ Điền 3 cây số. Viên Bang - trưởng khách hướng dẫn. Đường lối ít người đi lại, nên cỏ mọc um tùm. Vào gần chân núi đá cây cối mọc che kín cả lối đi, phải cho người lấy dao phay phát quang đãng, tìm mãi mới thấy cửa hang ở lưng chừng núi. Cửa hẹp, người phải chui vào. Trong hang rất lắm dơi; thấy có người, dơi bay tứ phía. Dưới chân láp nháp một lượt cứt dơi rất dầy. Cứt dơi tên chữ là « dạ minh sa » người Tầu vẫn dùng làm thuốc cam bổ-tỳ cho trẻ con. Ngửng đầu lên, thấy có thạch nhũ dủ xuống ánh ra nhiều sắc tròng rất đẹp mắt. Trên vách đá hãy đề mấy giòng chữ nho : «Thiên nhiên động » « Thái - bình động ». Chung quanh vách hang có nhiều hình đá tựa phật, chuông, trống nên có tên là chùa Hang. Vào sâu dưới chân hang, có suối chảy ầm ầm pha với tiếng vượn hót, chim kêu, nên một dịp đàn của vũ trụ. Cảnh trí thực là u nhã ! Càng ngắm cảnh, càng mê vì cảnh, lạ lùng cọn mắt trông theo, tới đây ắt hẳn có nhiều chuyện xưa.

Nhân cảm hoài, du khách có mấy câu lục bát ghi tình :

Chùa Hang cách mấy từng đèo,
Cùng nhau vén lá cùng trèo cùng lên :
Trống chuông đá dựng hai bên,
Phật đài, bảo cái, chàng phan ai bày ?
Đá mầu thạch nhũ vui thay,
Suối reo, chim hót dơi bay vượn đùa...
Đào nguyên, ngư phủ, nghìn thu !
Nghe thường khúc hát tiếng đưa dân gần.

Về tới nhà, mặt trời đã gắc núi; trống nha đã thu không, rồi tiếng mõ cầm canh họa theo tiếng chim vọng ra giữa khoảng thâm u của rừng thẳm...

Trước chúng tôi định thăm hồ Ba-bể, rồi sau vài ngày lưu lại Bản-ti.

Nhân ngày hôm sau, gia-đệ có việc cần, phải kinh-lý tổng Như-viễn ở ngay địa giới hồ Ba - Bể, vả từ Như-viễn có đường thẳng đến châu Chợ rã, rồi về Bắc - kạn rất tiện, nên chúng tôi không muốn bỏ phí thì giờ, bèn ngỏ ý cùng đi với gia đệ một thể mà thăm hồ Ba-bể, rồi do đường Chợ rã qua bắc-cạn về Hanoi.

Vì đã trót hẹn trước với ông châu Chợ-đồn Hoàng Mạnh-Khuê khi qua Chợ-đồn sẽ lưu tại nha ít lâu nên trước khi thay đổi chương-trình, tôi không quên gửi vài nhời từ tạ và tỏ ý rất tiếc không được vãn cảnh Chợ - đồn là một nơi đã từng có một cái lịch-sử trong buổi giao thời. Châu Chợ-đồn mới đặt ra từ năm 1915 xưa vẫn thuộc về châu Bạch-thông (Bắc-kạn), có lính khố đỏ đóng. Năm Canh-tí (1900), lính khố đỏ rút về, nhường chỗ cho lính khố xanh, nên gọi là đồn Chợ-đồn. Sau bỏ đồn khố xanh, lập châu lỵ, vẫn lấy tên là châu Chợ-đồn, cách Bản-ti 22 cây số và cách Bắc-kạn 40 cây số. Sông Cầu phát nguyên từ Chợ-đồn, hai bên là đồng bằng phì nhiêu.

Ý đã định, gia-đệ bèn cho sắp đủ ngựa và yên, vì miền này, ngựa thường không có yên da, phải dùng yên gỗ, ngồi không tiện và vất vả.

Sáng hôm sau ba anh em lên đường, có lính cơ và lính dõng tùy - tòng, lại có phu gánh hành-lý theo sau.

Miền rừng núi thường có giống muỗi độc, nhỡ ai bị muỗi đốt, thường mắc bệnh sốt rét rừng, nên gia-đệ phải phòng bị cho mang theo cả màn, và ngoài ra, các thứ thực-phẩm như đồ hộp, lương khô, cùng các thứ cần dùng như nến, đèn pile, thuốc cảm, thuốc sốt, vân vân...

Vì đêm hôm trước mưa rừng mãi đến gần sáng mới tạnh, nên đường đi lầy lội, lại thêm nhiều giống vắt (đỉa rừng) ở các cành cây và ở dưới đất bám vào người, ngựa, hút máu rất đau. Núi cao, rừng rậm, trên là đường độc đạo, dưới là hang sâu, suối chảy ỳ-ầm, trông xuống rùng mình, nghe tiếng ghê sợ. Thực là một cuộc lữ hành đầy mạo hiểm và không kém phần khó nhọc...

Gia-đệ cho tôi hay rằng lắm khi đêm khuya đen tối, có việc cấp-bách phải thân-hành đi, qua nhiều lối nhỏ hẹp hơn, nguy-hiểm hơn, dưới là khe sâu, trên đầu vướng tre và nứa vắt ngang đường mà cũng phải phóng ngựa, khi trèo đèo, lúc xuống dốc, vượt hàng mấy chục cây số, cho chóng tới nơi, chứ có đâu được ung dung trong chiếc ô-tô hòm bon-bon chạy trên đường bình-thản như các bạn trung-châu.

Ngồi trên lưng ngựa, tôi có cảm tưởng : bao nhiêu dũng cảm, can-đảm, cương nghị đều chung đúc trong một ông quan miền thượng-du do hoàn cảnh tạo nên.

Xa xa, trong rừng thẳm văng vẳng tiếng nhạc tre. Thì ra người thổ nuôi trâu không phải chăn dắt, cứ thả dông trong rừng cho ăn cỏ, nên phải đeo nhạc cho trâu để biết nơi trâu ăn cỏ mà tìm cho dễ, khỏi để trâu thất lạc.

Sau khi đã vượt qua mấy ngon đèo thực cao : kéo Tọt, kéo Hán, Bo pia, đi được 10 cây số, đã thấy chức dịch đứng nghênh tiếp, rồi nhập đoàn cùng về xã Quảng bạch. Xã Quảng-bạch cách Bản ti 16 cây số, xưa vẫn gọi là Chợ điền. Về sau, người Pháp khai mỏ kẽm bản-ti gần đấy, lấy tên Chợ điền để đặt cho miền mỏ kẽm như trước đã nói.

Tới nơi, chúng tôi xuống ngựa, tạm dừng tại nhà viên phó tổng. Nhà này lợp bằng ngói máng, cột bằng gỗ thực cao, trên có gác gỗ hai bên, đỉnh giữa có bàn thờ tổ. Trên dán câu đối bằng giấy hồng-điều.

« *Tích thiện tự nhiên thiên tử phúc.*
« *Cần canh tất định địa sinh tài* ».

Nhà tuy nền đất, nhưng khô ráo sạch sẽ. Giường lát chiếu mây, trên giải chiếu hoa, trông có vẻ lịch sự, không kém nhà đường xuôi. Cách xếp đặt trong nhà và những đồ dùng có phần tương tự người Trung hoa. Tôi nhân hỏi gia đệ mới biết những dân nơi này đều là dòng - dõi giặc khách khi xưa, lâu ngày đồng - hóa với dân thổ trước. Xã này đã từng qua nhiều thời-kỳ phồn-thịnh, đã trải nhiều cuộc tang-thương. Xưa có chợ sầm-uất, ruộng rộng, dân nhiều, địa thế hiểm trở, bên trên có đồi khuất-khúc, mé dưới có suối quanh - co, cảnh tượng thiên nhiện u-nhã, thực là một nơi danh-lam cho khách du sơn du thủy.

Bao phen làm nơi chiến-địa cho quân cường-khấu, nơi này đã mất hết vẻ xưa và gần đây mới dần dần hồi-phục. Bấy lâu tuyết điểm sương pha, cuộc tang-hải vâng tanh người du-lãm ! Tuy sơn-hà vẫn còn dấu cũ, nhưng thời-thế cũng có biến di, cỏ mọc rêu xanh, đa meo rừng rậm, cần phải theo thời - gian mà dần dần đổi mới.

còn nữa

NHẬT-NHAM

Vịnh Hạ-Long trên cạn
(Tranh vẽ của họa-sĩ Trịnh-Vân)

Cách xếp-đặt chữ nho trong

TỰ-ĐIỂN

Số 4 ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

Chữ khẩu ba nét, chữ tâm bốn nét, chữ nhĩ sáu nét, phân tách đến thế là cùng. Nếu ta xét ba chữ vấn 問 chữ văn 聞 chữ muộn 悶 ta thấy khác hẳn. Khuon chữ có thể chia ra hai mảng, theo như hình vẽ A B C D, một mảng làm khuôn chữ cho chữ nôm, một mảng làm khuôn chữ cho ba chữ khẩu chữ *nhĩ* và chữ *tâm*. Ba số 70, 90 và 110 chia cho 10 thì thấy ba số premiers entre eux : ba chữ *vấn* chữ *văn* chữ *muộn* cũng tương-tự như thế, vì bỏ chữ *môn* đi sẽ thấy ba chữ *khẩu* chữ *nhĩ* chữ *tâm* mà khuôn chữ không thể phân tách ra hai ba phần được.

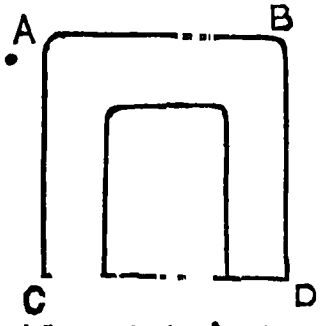

Vậy theo chỗ tương tự nói trên, ta có thể chia hán tự ra hai hạng : một hạng gồm những chữ tự-mô để nguyên một ô và gọi là đơn-tự, caractères simples ou premiers ; một hạng gồm những chữ tự mộ có thể chia ra làm hai ba phần và gọi là phức-tự, caractères divisibles.

Đơn tự rất ít mà phức tự rất nhiều. Vì nhiều nên phải theo cách phân tách tự mô mà chia ra làm hai loại : loại « *trực-phân-tự* » 直分字 và loại « *giác-phân-tự* » 角分字.

Đơn-tự như là 口 耳 心
khẩu nhĩ tâm

Phức-tự như là 問 聞 悶
vấn văn muộn

Trực-phân-tự là những chữ tự-mô theo đường thẳng chia ra hai ba mảng. Ce sont des caractères dont le carré calligraphique comporte une subdivis on rectiligne.

Giác-phân-tự là những chữ tự-mô theo đường gẫy góc vuông mà chia ra hai mảng. Ce sont des caractères dont le carré calligraphique comporte une subdiv s on angulaire.

Trực-phân-tự và giác-phân-tự lại chia ra nhiều tiểu-loại, theo như bảng sau này :

A. Đơn tự. Caractères premiers entre eux { tự-mô để nguyên một mảng (I) le carré calligraphique ne comporte aucune subdivision semblable d'un caractère à l'autre. (I) hoặc có chia ra nhiều mảng, nhưng cách chia không giống nhau.

B. — Phức-tự. Caractère divisibles, dont le carré calligraphique comporte une subdivisions semblable. — Những chữ mà tự mô có một hai phân bộ giống nhau :

- Trực phân tự. Caractères à subdivision rectiligne.
  - Thụ-bộ. Carac. à clé. verticales : hoành-bộ, car. à clé. horizontales :
    - 1 thượng-hoành, horizontales supérieures
    - 2 hạ-hoành, horizontales inférieures
    - 3 lưỡng-hoành, horizontales parallèles
    - 4 hữu-thụ, verticales de droite
    - 5 tả-thụ, verticales de gauche
    - 6 lưỡng-thụ, verticales parallèles
- Giác phân tự. Caractères à subdivision angulaire :
  - độc-giác monoangul. :
    - 7 hữu-thượng-giác, supérieures de droite
    - 8 tả-thượng-giác, supérieures de gauche
    - 9 hạ-giác, inférieures
  - lưỡng-giác biangul. :
    - 10 thụ-đối, verticales
    - 11 hoành-đối, horizontales
  - tứ-giác quadran. :
    - 12 bế tự, caractères fermés

(Coi hình vẽ và chữ nho ở trang 15)

D. Căn-nguyên phân-loại, classification étymologique

Cách này có đã lâu Sach Thuyet văn giải tự in vào khoảng năm 200 đã xếp hán tự ra 540 bộ. Vì nhiều bộ phiền phức, nên đời Khang-Hy nhà Thanh, đầu thế-kỷ thứ 18, rút lại còn 214 bộ, là những bộ Khang-Hy tự-điển và nhiều tự-điển khác vẫn dùng.

Nói cho đúng thì căn-nguyên phân loại không phải là một phương pháp đích đang. Vì hai lẽ :

Một là tìm nguồn goc từng chữ không phải là việc dễ. Trong bốn vạn chữ cuốn Khang-hy tự-điển, thế nào chẳng co chữ chính người tầu cũng không biết nguồn gốc. Cỗi rễ đã không biết, còn dựa vào đau mà phân loại ? Mà co biết chăng nữa, cách căn nguyen phân loại cũng không thể dùng để xếp đặt hán tự trong tự-điển được. Người mới học gặp chữ khó, cả âm lẫn nghĩa đều khong biết, còn biết đau nguồn gốc mà tra ?

Lẽ thứ nhì là phân loại hán tự theo nguồn gốc có điều không hợp lý. Hán tự có đã lâu, kể từ Xương-Hiệt đến nay, đã trải qua năm mươi thế kỷ : từ cách viết cho đến hình dáng, hán tự thay đổi không phải là ít. Vậy ta không thể dựa vào cái nguồn gốc có đã mấy nghìn năm mà phân

loại lối khải thư ngày nay được. Vương Vân-Ngũ trong khi phê-bình cách căn-nguyên phân loại, đã thí dụ cho ta hai chữ rất kỳ khôi : chữ xạ 射 và chữ oải 矮 (hoặc đọc là nụy). Chữ xạ một nửa là chữ thân là mình, một nửa chữ thốn là tấc, mình mầy ngắn bằng một tấc nghĩa là lùn, thế mà chữ xạ lại nghĩa là bắn. Chữ nụy một nửa là chữ thỉ, là tên, một nửa là chữ ủy, là gởi, gởi cái tên nghĩa rộng là bắn, thế mà chữ nụy lại nghĩa là lùn. Sao la thế ? Là vì chữ xạ là chữ tượng hình, ngày xưa là một bức tranh vẽ một người đang cong lưng bắn tên, rồi trải qua mấy nghìn năm, bức tranh ấy đã biến ra chữ thân và chữ thốn. Còn chữ nụy nguyên viết nhân bằng bên chữ ủy, rồi về sau có người suy nghĩa lùn là ngắn, nên lấy nửa chữ đoản thay vào chữ nhân bằng. Rồi Vương Vân-Ngũ kết luận rằng phân loại hán tự theo nguồn gốc thật là vô lý.

Đấy là dưới con mắt một nhà nho-học phương đông. Còn dưới con mắt Wieger, là một nhà nho-học phương tây, cách xếp đặt hán-tự trong Khang-Hy tự-điển hình như cũng không có giá-trị gì mấy. Tác-giả cuốn Les Caractères chinois, vì chuyên khảo-cứu nguồn-gốc hán-tự, nên phê-bình Khang-Hy tự-điển nhiều chỗ hơi nghiêm-khắc. Nào là «un magasin mal aménagé et trop encombré », nào là «en dépit du bon sens». Wieger quên rằng chữ bộ 部 không phải chỉ riêng về nguồn gốc. Các tự-điển dịch nghĩa, hoặc giảng-nghĩa như sau này :

Khang-Hy tự-điển ; tòng dã, thống dã, hựu phân dã, hựu ngũ hành vị chi ngũ bộ, hựu thư phân tứ bộ...

Vương-vân-Ngũ đại- từ-điển bộ-thủ 部首 nghĩa là : văn tự sở phân đích bộ-loại. *Dictionnaire Cantonnais-français* của Aubazac : hai chữ tsz 3 pó 3 字部 dịch là classif ques. *Dictionnaire Couvreur* dịch bộ là ;ensemble de choses qui sont semblables ou font partie d'un tout. Mộc bộ 木部 ensemble de lettres rangées sous la clé Mộc.

Vậy chữ bộ dịch là radicaux có điều không đư ợc đúng. Bộ dã không phải la radicaux, chữ tốt xếp vào bộ thập 十, chữ tòng xếp vào bộ sắc 彳 không lấy gì làm lạ. Chẳng qua cũng như tự-vị Larousse không xếp chữ scolaire sau chữ école mà xếp vào vần S cho dễ tìm. Vậy muốn phê bình cho công bằng, ta phải công-nhận ra rằng 214 bộ-thủ của Khang-Hy một phần lớn thuộc về tượng - hình phân-loại. Ta lại phải nhớ rằng phân loại hán-tự là cốt để làm tự-điển, mà tự-điển cần nhất phải xếp-đặt thế nào cho người mới học, muốn tìm chữ gì cũng thấy ngay. Về phương-diện này, ta thấy Khang-Hy tự-điển có ba điều khuyết-điểm :

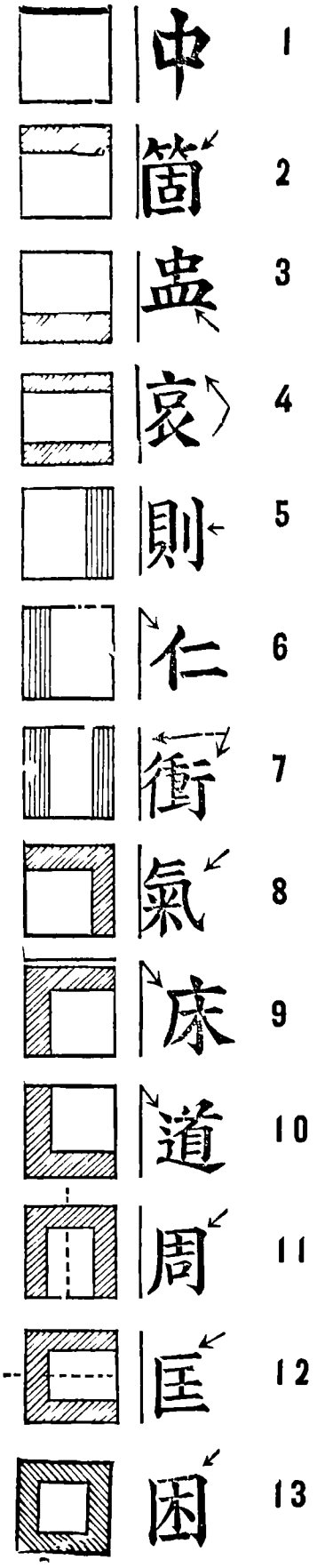

1. *Trong một chữ, nét nào là bộ, nửa nào là bộ, người mới học* khó lòng biết được

Thí dụ: chữ đinh 丁 nét ngang đầu là bộ

Liễu 丁 nét sổ cuối cùng là bộ

Chi 之 nét phẩy ở giữa là bộ.

Thảo 草 bộ thảo 艹 ở trên

giang 江 bộ thủy 氵 ở bên tả

Mộ 慕 bộ tâm 心 ở dưới

Tửu 酒 bộ dậu 酉 ở bên hữu.

Họa 囫 bộ lực 力 ở trong

Quốc 國 bộ vi 囗 ngoài

Ai 哀 bộ khẩu 口 lơ lửng ở giữa

Lý 裏 bộ y 衣, bộ chia ra làm đôi, nửa trên, nửa dưới.

Đã đành rằng tra quen, nhiều chữ trông thấy nhận ngay ra bộ. Nhưng vẫn có nhiều chữ khó tìm. Những chữ khó tìm ấy, tự-điển thường kê ra làm một bảng riêng, tra theo số nét. Nhưng tra cũng không nhanh được mấy, vì phải tra hai lần: lần thứ nhất tìm trong bảng tra xem chữ khó mình muốn kiếm ở vào bộ nào, trang nào ; lần thứ nhì tra để thấy chỗ giảng - nghĩa. Lại còn có chữ có thể xếp vào hai, ba, bốn bộ khác nhau.

Còn nữa

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

Ban kịch « Hanoi »

với «THẾ CHIẾN-QUỐC» «BÓNG GIAI-NHÂN»

ĐÊM thứ bảy, 10 Octobre 1942, ban tài-tử « Hanoi » đã hiến bà-con Hà-thành hai vở kịch giá trị : kịch lời « Thế Chiến-quốc » của Trần Tử-Anh và kịch ca « Bóng giai-nhân » của Nguyễn-Bính cùng Yến-Lan.

Diễn nổi được những vở nay không phải là một việc dễ dàng, vì lẽ : 1· kịch thuộc lối lịch-sử ; 2 lời kịch rất đỗi văn chương ; 3· lớp kịch không có một vai « dào » nào. Tay vở sau có, nhưng đấy chỉ là một cái « bóng », như nhan-đề đã nói, lờ-mờ lướt qua trên sân khấu.

Vậy mà nhà dàn kịch Chu-Ngọc cùng toàn ban đã vượt qua được mọi điều kho-khan để đi tới một kết quả tốt-đẹp không ngờ.

Từ màn đầu đến màn chót, nhiều vai kịch đã tỏ rõ một tài - nghệ chính - đáng, đã diễn tả đủ được những tấm lòng quân-tử, khí-phách anh-hùng, tính-tình điềm-tĩnh hay bồng-bột, tâm-trạng băn-khoăn hay hoan-lạc của từng vai truyện, bằng lời, bằng giọng cũng như bằng cử-chỉ mầu-mè, và bằng cả... sự lặng-thinh. Đồng thời, nhiều phông cảnh bài-trí cũng có một tinh-thần riêng đủ diễn ý ; chúng đã nói nhiều và đã giảng nhiều cùng ta.

Kể đại-cương buổi kịch thế gọi là ược.

Còn những tiểu-tiết ?

Tôi cần nêu ra một vài điều sơ-ý hay sót quên của buổi kịch này.

Nếu ra đây, tôi không có ý định công-kích gì, nhưng thật ra muốn bàn thêm ý, mong một buổi sau sẽ được thập phần hoàn-mỹ hơn.

Tôi rất lấy làm tiếc sao ông Chu-Ngọc đã có tài lựa nghệ-sĩ cắt các vai cho xứng, đã khéo luyện cử-chỉ để tả nết thuần-hòa, sự kinh-hoàng, mà lại trót để hỏng mất Tả quân Duyệt và tiền quân Thành. Hai vai này hơi non, nón từ lời đến cả bộ-điệu. Vẫn biết Tả - quân Duyệt. — Nguyễn Văn-Thân — là một võ-tướng nóng - nảy, nhưng không khi nào trước cái thái-độ khiêu-khích và hợm đời của Ngô Thời-Nhiệm (Lan Khai) mà đang tâm rút kiếm — một bảo - vật của nhà vua ban cho — quăng mạnh xuống đất trước mặt Nhiệm được. Màn thứ ba, Thế chiến-quốc. Sao không có thể : tay tuốt kiếm trần, miệng thét truyền đao phủ, sẵn dẫn trước mặt Nhiệm... và Tiền-quân Thành (Vũ Trọng-Can) hộ-vệ, dõng-dạc vội đứng lên gạt đi, can ngăn, giảng-giải ? Vả lại, ở lớp này, giá để hai vị đại-thần ấy trọ-trẹ nói tiếng đường trong thì thật là tuyệt ! (Vở của hai vai này không có mấy ; chỉ độ dăm bảy câu là cùng). Nhà dàn kịch đã khéo tả thời-gian qua bằng cách đổi màu y-phục của N· T. Nhiệm, bớt ở cảnh đi cái giả kỳ - bài nơi tư - đường N. T. Nhiệm (Màn thứ hai, T. C. Q.), thì cũng có thể dùng giọng mà tả sự xa-xôi ngàn trùng được, cũng như làm biến hóa một vai lão. Có phải chăng, nghe tiếng trọ trẹ, khán-giả tất hiểu ngay rằng quân của chúa Nguyễn-Ánh đã kéo binh mã vượt bao sông núi từ Nam qua Trung mà hạ thành Thăng-long đất Bắc ?

Ở màn chót, Màn thứ ba, Bóng Giai-Nhân, ông Chu-Ngọc đã khôn-khéo dàn lớp để « Trăng-sĩ » lần theo vết văn-hài của giai-nhân in trên nền cát, và say-mê rồi tìm người kiều diễm ấy ; rồi tiền dần, lui dần vào góc phông vừa lúc... « bóng giai-nhân » hiện ra, thướt-tha qua, giải xiêm-y vui bay trước làn gió biển. Đó, một cuộc thay lớp thật giản tiện và tự nhiên đáng chú - ý ! Sau đấy, sân khấu để « trống » trong một lát, khoảng thời-khắc đủ cho vai kịch đi trọn một vòng phía sau cảnh. Cái lớp ăng, vắng đó đã khiến cho ta nhận thấy rằng Tráng-sĩ tay đã qua hết quãng đường khá xa rồi mà vẫn chưa được gặp-gỡ giai-nhân.

Diễn tả đường xa, Chu-Ngọc đã biết dùng sự « trống-trải » nhưng đã sơ ý không biết dùng « thanh-âm » vì như trong cảnh N. T. Nhiệm gặp biến (Màn thứ hai, T. C. Q.) Ngô Thời-Nhiệm đang đàm-luận cùng cụ Nghè Vân, thình-lình có binh nhà Nguyễn kéo đến. Có phải đâu chỉ cốt làm huyên-náo ầm-ỹ một cách đột - ngột ? Nên để dịp trống đều đều nho-nhỏ vẳng lên, rồi hay dần dần to thêm ra, rồi rệt đủ trống cái nổi, tiếng loa vang, tù-và rúc... (dịp trống nên dùng điệu « rinh, rinh-tùng, rinh » điểm thêm trống khẩu).

Dàn-xếp như thế, không những ta diễn tả được điều quân từ xa đi lại, mà còn có thể tỏ rõ được Ngô Thời-Nhiệm vẫn giữ một thái-độ anh-hùng điềm-tĩnh trước một cơn nguy-biến nó đang từ-từ đi lại để gieo tai-họa vào mình. Đành rằng nhà dàn kịch đã có ý nêu cái tâm-trạng thản-nhiên của N. T. Nhiệm ra so-sánh ngay bên cạnh cảnh cụ Nghè cuống-quít vội ẩn, và thày Nho hoảng-hốt chạy quanh để rơi tơi-bời cả hồ-sơ, công-văn, sớ-điệp ..

Tóm lại, tài-nghệ của toàn ban kịch « Hanoi » vẫn đáng để cho ta mến-chuộng mãi. Và, không vì tâm-địa nhỏ-nhen của vai truyện mà ác-cảm lây đến cả vai sắm kịch, ta phải công-bằng và nên nhận rằng vai Đặng Trần-Thường (Ngọc-Đĩnh) trội hơn vai Ngô Thời-Nhiệm (Lan-Khai), trong vở Thế-Chiến-Quốc. *Còn trong* Bóng-Giai-Nhân, *ta ngợi khen Tráng sĩ (Vũ Hoàng-Chương) bao nhiêu, ta cũng nên hoan-hô Đạo-sĩ (Trần Huyền-Trân) bấy nhiêu.*

CÂY THÔNG

Nam đàn bát châu tục thảo

lối thơ tân thành lập

Số 6 Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

XI

Vịnh Nhị-Trưng nữ-kiệt sử

(Thơ soạn)

Cuốn Lĩnh-biểu, sáu mươi thành cẩm-tú,
Danh đàn-bà, tự cổ chí kim.
Non sông một chị, một em,
Nghĩa đành nợ nước, tình thêm thù nhà.
Khách Lệ-Hải phương ta, người một hội ;
Bà Nhược-An bên Pháp, tiếng hai châu.
Khí thiêng vương-giả nghìn thu ;
Phong-vân Lãng-bạc, in màu sử xanh.

Chú thích

Hai bà Trưng : Lịch-sử hai bà tường chép ở Nam-sử.

Cuốn Lĩnh-biểu : Hồi ấy nhà Hán quận-huyện nước ta, gọi chung Nam-hải (Quảng-đông), Quế-lâm (Quảng-tây), Giao-chỉ (Bắc-kỳ nước ta) là đất Lĩnh-nam, tức là Lĩnh-biểu. Cuốn là cuốn bản đồ. Cẩm tú là non sông đẹp như cẩm tú. Sáu mươi thành là kể những đất thuộc bộ Giao-chỉ, bởi tay hai bà thu phục ở hồi ấy.

Khách Lệ-Hải : Sau hai bà Trưng, nước ta lại có một vị nữ-kiệt là bà Triệu-Ẩu. Bà Triệu khi khởi binh kháng quân Ngô, giữ núi Tượng-đầu và đồn binh ở Nhật-lệ hải-môn, quốc dân kêu bà là Lệ-Hải Bà-vương.

Người một hội : Cũng như người một hạng, một lịch-sử ; nói bà Trưng với bà Triệu cùng một hạng người nữ anh-hùng, cùng một lịch-sử oanh-liệt kỳ-vĩ. Truyện Kiều :

« Cùng người một hội một thuyền đâu xa ».

Bà Nhược-An : Tức bà Jeanne d'Arc, sách Vạn-quốc sử-ký dịch là Nhược-An, nguyên là người xử-nữ nước Pháp, hồi thế-kỷ 15, xuất vai nữ-tướng, đuổi đánh quân Anh, thu phục thành-trì, dân Pháp hoan hô, coi là một vị thần-nữ, trời sai xuống để tái tạo quốc-gia.

Phong vân Lãng-bạc : Quân hai bà với quân Đông-hán tướng Phục-Ba cả xung-đột một trận ở Lãng-bạc hồ (tức Tây-hồ). Lịch sử kỳ-vĩ của hai bà, tức là cái bóng phong-vân Lãng-bạc in vào, nghìn thu đẹp đẽ.

Còn nữa

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

Đón coi

1/ Nền trung-học Pháp xưa và nay *của* NHÂN-NGHĨA

2/ Vì sao Nguyễn-Du lại cảm truyện « Tiểu - Thanh » ? *của* LIÊN-GIANG

3/ Phê-bình « Thi-văn tập của Phan-Mạnh-Danh ». SONG-CỐI *viết*

4/ Trần-công Sán *của* TIÊN-ĐÀM

5/ Bà Trần-thị Ngọc-Hảo, vợ vua Trần Duệ-Tôn *của* LÊ-NHƯ-THỦY

Đang in

VIỆT - NAM CỔ VĂN HỌC SỬ

tác giả Nguyễn đổng-Chi, *tựa của* Trần-v-Giáp

Lời bạt của HUỲNH THÚC-KHANG

500 trang — Bìa của Nguyễn đỗ Cung —

Giá 4p50 — Bản Impérial d'Annam : 25p —

Bản dó lụa sông Thao : 20p —

Bản Super Glacé ; 15p

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10% và không phải trả tiền bưu phí

HÀN-THUYÊN

— 71 Tien Tsin Hanoi

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông - dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân

93, Phố Hàng Bông Hanoi

Một thiên bút kỷ

KỶ-NIỆM SẦM-SƠN

Tặng bạn N. để nhớ
những giờ chung bóng

PHẠM MẠNH-PHAN

I — Trước lúc ra đi

TRỜI hè năm nay tuy có những ngày mưa gió, song cũng có những buổi oi ả không chừng. Sống chen chúc trong đám người mù - quáng vì danh vì lợi, giữa chốn rừng người phần nhiều ghét ghen, thớ lợ và xảo quyệt mà ai nấy đều óc luôn luôn vật lộn với cuộc mưu - sinh gay gắt, lòng tôi như thấy kém bề hăng-hái của tuổi anh-niên tươi sáng.

— Phải ra đi !

Văng vẳng bên tai như có tiếng gọi của non cao trời thẳm, của bể rộng bao la. Tôi đã muốn tìm một phương trời xa lạ để di dưỡng tinh tình.

Tôi đã mong có một cuộc đổi gió để đem những luồng không khí trong trẻo cho giòng huyết quản của tuổi thiếu thời đang sục sạo như cần đòi hỏi một cái gì !

Trông những ai rảo bước trên vỉa hè như cướp lấy sự sống hàng ngày, tôi không thể có một cảm tưởng chua cay cho bọn người thường sống vì cơm áo, sống không lý tưởng.

Lòng tôi đã quyết định ra đi để quên trong ít lâu những nỗi dằn vặt, những sự đua chen nhỏ nhen của thế nhân tiện. Tôi đã muốn lánh trong một thời-gian những quân tôi tớ đồng tiền mà để chôn vùi lương tâm xuống lớp bùn nhơ !

Tôi ra đi để tìm một cái gì xa lạ, để tầm con mắt được trông rộng nhìn xa khỏi bị giam hãm trong khuôn khổ chật hẹp của phố phường đầy cát bụi.

Ý đã định, lòng đã quyết, tôi bèn ngỏ ý với bạn Hoa-Bằng trong tòa soạn. Thì với chiếc cười nửa miệng, bạn đã xẽ nhủ bên tai :

— Có đi thì nhớ đến độc-giả Tri-Tân.

Độc-giả Tri-Tân ! Tôi quên làm sao được những người trí thức mà hơn năm trời nay trên mặt báo này tôi đã nhiều lần hầu chuyện.

— Nhưng viết gì đây ?

Vì trước lúc ra đi, ở quê nhà, một tối hè nóng bức, bạn Lê-Thanh tới chơi với cặp mắt cười trong ánh đèn và ẩn trong làn kính trắng, đã bảo thầm ,

— Anh có đi cũng chẳng viết được gì vì bao cái hay về Sầm-sơn người ta đã nói cả.

Trời hỡi ! đi để thuật lại trên mặt báo này đâu phải ý định của tôi trước lúc ra đi. Không phải tôi đã phụ lòng độc-giả thân yêu vì tôi cũng tiên liệu như lời Lê quân đã nhủ.

Những cái hay về Sầm-sơn, các bạn đồng nghiệp lành nghề của tôi đã nói. Những ngòi bút diêu luyện đã tả cặn kẽ khoảng trời tươi đẹp ấy.

Tôi còn biết nói gì để mua vui bạn đọc, vì ngòi bút « tập sự » này đâu dám đọ với những bực đàn anh trong nghề đã từng nếm trải những phút nhục vinh, vinh nhục trong khi làm tôi bà Chúa Báo.

Vậy các bạn đừng đợi ở đây một bức truyền thần của Sầm-sơn xa lạ. Các bạn đừng mong tôi ghi tỉ-mỷ những cái mắt thấy tai nghe của cảnh trời mơ-mộng ấy, vì nói làm chi, các bạn, ai người còn không biết nơi nghỉ mát thần tiên ấy với những rặng phi lao vi vút.

Những giòng này các bạn hãy coi như không có vì tôi chỉ muốn chúng ghi một cuộc gặp gỡ nên thơ vì Sầm-sơn mà có..

●

II — Đường vô xứ Thanh

Thế là một sớm hè tươi sáng, với một bạn trẻ cùng chút hành-lý, tôi đã đáp tầu vô Thanh.

Với một tâm-hồn sốt sắng đầy ước mong được gặp cảnh trời xa lạ, đầy chí hăng hái được đùa rỡn với sóng cồn bể cả thì đường dẫu xa cũng hóa nên gần.

Con tầu chật nich những khách bốn phương và sặc sụa những mùi « ô hợp » đã đem chúng tôi thoát ly khỏi Hà-thành nóng bức và cát bụi. Tàu cảng lao mình trên con đường trắng sóa thẳng băng nằm giữa cảnh đồng ruộng mênh mông bát ngát, càng rầm rộ hò hét một cách anh-dũng không ngừng, tôi như có cảm tưởng một tên lính tiên phong đi « chinh-phục » một cái gì ở phương trời xa lạ,

Phải chăng sống yên tĩnh mãi cái đời bình thản của văn nhân, giữa lúc lửa chiến-tranh bùng cháy khắp mọi nơi, giữa khi các thanh-niên thế giới đua nhau hi-sinh cho lý-tưởng, tôi đã ham muốn trong chốc lát được thấy cảnh núi thây sông máu. Mà nay, đem mình ra bờ bể, tôi tưởng tượng cũng như ai, túi rết trên vai, súng trường cạnh nách, lĩnh một sứ mệnh thiêng liêng, đang đứng trên con tầu oanh liệt để ném mình ra chiến địa

Phải chăng sóng gió năm châu đã cho tôi trong chốc lát những ý nghĩ tươi đẹp ấy của tuổi thanh niên đầy ảo-tưởng. Khi thấy mình chỉ là một du khách đi tìm những làn gió lạ, tôi thấy lòng thẹn với lòng đã có sự so sánh chênh lệch ấy.

Tàu sáng đông như nêm cối, tôi đành đứng tới mãi quá thành Nam mới có chỗ ngồi. Chung quanh tôi sao rộn rịp thế : nào tiếng máy chạy, tiếng chuyện ồn ào, nào tiếng chú bán dầu, lơ đều đua nhau như làm cho tôi xao-xuyến.

Cả hình-ảnh cuộc đời đều thu nhỏ trên toa xe lửa : đủ hạng người với những khẩu khiếu đặc biệt, với những

mảnh lới xẻo quyệt gian trá để bắt cẳng nhau mà hòng tranh giành lấy sự sống. Một chàng vam vỡ vũ - phu, lấy thịt đè người, đang thẳng tay hành - hạ đánh đập một mụ đàn bà bán hàng rong dám lên tầu bán tranh mối lợi. Hai chú bán thuốc gia-truyền sau những lời khoe khoang bịt bợm, cùng nhau to tiếng vì một mối lợi dăm xu và mang cả tiên tổ nghìn năm ra thóa mạ. Cho hay dầu là « đồng nghiệp » nhưng tiền tài cũng làm li-giản lòng người.

Giữa toa, vài bác nhà quê, áo quần rách rưới, dáng điệu ngô - nghê, đang há hốc miệng cười. Trông những người đồng chủng nghèo nàn vô ngu muội ấy, tôi sực nhớ tới nông dân các nước văn minh mà tôi đã có dịp nhìn trên màn ảnh. Một sự so sánh hiện ra trong óc và tôi giật mình nghĩ tới cuộc tiến hóa của đất nước, đều bước phú cường của non sông. Trong giây phút tôi đã lãng quên sự động chạm của chúng ta với nền văn minh Âu Mỹ trong non thế-kỷ.

Ngồi trên toa bẩn thỉu và nhem nhuốc tôi đã tự hỏi nào đâu những bực anh tài của đất nước, đã từng nhìn xa trông rộng, sao không chịu rủ lòng nhìn tới đám người quê-mùa kia mà hòng nâng đỡ dìu-dắt họ trên con đường khai-hóa.

Tôi triền-miên mãi trong làn tư-tưởng không liên-tiếp và thắc - mắc hoài vì những điều trông thấy. Con tàu vẫn rầm rộ hăng hái chạy, phút chốc sắp qua cầu Hàm rồng. Ở đây cảnh trí thiên-nhiên rất ngoạn mục : có sông, có núi cao chót-vót, có thuyền bè rộn-rịp. Ở đây là một cảnh nên thơ đáng được thi nhân lựa lời ngâm vịnh !

Con sông Mã nằm ngang chia địa-giới hai quả núi. Một chiếc cầu cao ngất kiến-trúc theo lối đặc-biệt tối tân, đã được người ngoại quốc liệt vào hàng những kỳ quan của Á-Đông. Nó nghênh ngang đứng sừng-sững giữa một cảnh trí có thể khêu gợi biết bao thi-tứ.

Làn nước của con sông quăn minh nấn khúc, lồng bóng mây xa thẳm, với núi đá oai nghiêm hùng-vĩ, với cây cỏ tốt tươi, với thuyền bè lăng lẽ cánh buồm căng thẳng, với vẻ rộn rịp của ga Hàm-rồng ngay cạnh rìa sông : từng ấy nét vẽ đơn sơ cũng đủ là một bức tranh thiên nhiên dễ quyến rũ lòng du khách một cách say-sưa đằm-thắm !

Còn bốn cây số nữa là tới Thanh. Chúng tôi sửa-soạn hành-lý và ha sẵn hai chiếc xe đạp mang theo : người bạn cố tri ấy của chúng tôi đã không rời chúng tôi một bước trên các phố Hà-thành cũng được theo chúng tôi để lăn bánh trên đường nhựa Sầm-sơn.

Tới Thanh gần một giờ : chúng tôi đã vượt 175 cây số trong non 7 giờ đồng hồ ; nếu những hành khách ngoại quốc đã từng đi ở các kinh thành lớn những chuyến xe non 200 cây số một giờ tất phải lấy làm sốt ruột về cái « tốc-lực rùa » ấy.

Nhưng thôi, dầu sao chúng tôi cũng đã đến.

Vẻ ga Thanh - Hóa tấp-nập lạ lùng. Người lên xuống rộn-rịp ồn - ào, phần nhiều là những khách viễn du vì mong, vì nhớ Sầm-sơn mà đến để trốn những ngày hè oi ả.

Ai cũng vội vàng hấp tấp để hòng giành một chỗ ngồi trên xe ô tô đợi sẵn ở ga.

Nhưng lù lù trước cửa ra vào một viên đội, đang đứng sừng-sững để khám các giấy má. Các thẻ và giấy căn cước của người Bắc đều bị giữ lại một cách lặng lẽ. Nỗi xung khách buột tiếng than phiền :

— Ông làm nhỡ cả chuyến xe.

— Ồ ! làm sao ông lại tịch thu căn cước của tôi ?

Viên đó vẫn nín lặng không trả lời. Mọi người đều ngơ ngác.

— Có lẽ đã sẩy ra việc gì quan trọng? Người bạn chúng tôi ra ga đón cũng ngạc nhiên nốt Tôi phải rỉ tai :

— Coi chừng, đây khác... Hai mươi phút sau hành khách ra hết, viên đội đó mới lừ-lừ bỏ các thẻ căn-cước ra trên một chiếc bàn và lần giở một quyển sổ chữ đen li-nhí

Có gì đâu ! Viên đó muốn soát những tên bị chính phủ Nam triều tình nghi và trục xuất.

— Ai là Phan ?

— Sao ông, ngạc nhiên tôi đáp.

— Thế họ gì ? viên ấy hỏi sách mé.

— Phạm-mạnh.

— Thật không ?

— Không tin, xem, lại tôi dõng - dạc trả lời. Người đó đò lại tên, họ và quê-quán rồi nhìn tôi từ đầu tới chân.

— Thế không phải, trong này Nguyễn mạnh kia.

— Hừ vía, tôi nhủ thầm, không có tỷ nữa trùng họ trùng tên chẳng gì cũng ..

Lấy lại căn cước tôi lên xe ra Sầm-sơn cách Thanh hóa 16 cây số.

Tỉnh Thanh trông cũng phong quang đẹp đẽ, các thành nhà Hồ 45 cây số, có viện bảo-tàng, có hội Trí Tri, hội Phật-giáo với sân vận-động vĩ - đại của hội Kiến-Hương.

Cảnh và người cũng coi bề nhã-nhặn mà sao văn-sĩ Nguyễn Tuân, tác giả cuốn *Tùy bút* đã ghét độc ghét địa tỉnh này. Hễ nói tới đoạn nào là không tiếc lời nguyền-rủa ! Hễ nhắc đến tỉnh này là văn nhân ấy viết một tràng dài về những nhân vật kỳ quặc và khệnh-khạng ! Phải chăng tỉnh Thanh đã vô duyên với nhà văn ấy.

Xe ô-tô ra khỏi tỉnh để lại một làn bụi trắng làm màu khách bộ hành. Nhìn ra thì trước mặt chúng tôi, núi Sầm sơn với những biệt thự nguy-nga, với những cây phi-lao nhởn - nhơ trước gió, đã đứng nghiêm-trang một cách kiêu-kỳ và lộng-lẫy.

(còn nữa)

PHẠM MẠNH-PHAN

Thống chế Pétain đã nói :

« Các người cần nhất chẳng nên ngã lòng. Vì dù bản-chức được quyền như vậy, thì đã ngã lòng từ lâu rồi. Bản-chức sẽ gánh việc lớn cho đến khi hoàn-thành và mong rằng ai ai cũng nối theo gương đó ».

Một thứ chè mới

Ông chủ hiệu thuốc lào Đông - lĩnh ở số 286 phố Cửa Nam Hanoi mới đứng tổng phát hành một thứ chè mới đặt tên là chè Thịnh-Phong. Chè này hương thơm vị ngon không kém gì chè tàu. Bao đóng lại đẹp và nhã. Vậy xin bà con đều nên mua dùng. T. T.

Tài-liệu đính-chính...

Tiếp theo trang 8

Đại-khái nghĩa là : «Trông vời cố - quốc, thở than đôi ngả Sâm Thương ! Đau-đớn luân-vong, ngọc dung sao được cát tường ! Chị em yêu-dấu, một mai đều chết ; đông-quân chẳng hiền, đến nỗi diệt-vong. Thăm-thẳm cửa hầu tựa bể, hững hờ chàng Tiêu ! Thất-thân không phải cùng loài, mậu-lâm tranh sáng. Tiêu-tụy vì chàng, với ai cùng chết ; lìa hồn tình nặng sẽ giọng bi thương ! Chết cõng thân cha, chàng thay cha chết ; kém yêu quạt lụa, sinh chẳng gặp thời. Có trước không sau, than ôi lỗi lứa ! Trước rèm linh-lạc, già cả cùng ai ! Hồng nhan xưa nay, ai chẳng bạc mệnh ? Hồng-nhan bạc mệnh, ai chẳng đoạn trường ? Ta vốn người sầu oán, nên làm khúc oán ; nghe oán khúc hày, ai chẳng bi thương ! »

Cỏ non xanh tận *chân giời :*
ông Nguyễn - văn - Vĩnh chép là « xanh *rợn* chân trời ».

Nao nao dòng nước uốn *quanh,*
ông Vĩnh chép là «cuốn quanh ».

Xôn xao ngoài cửa hiếm *gì yến anh,*
bản nôm của Quán-văn-đường chép là «kém gì yến anh», bản quốc ngữ của ông Vĩnh chép là «thiếu gì yến anh »; kể cũng được, nhưng không hay bằng «hiếm gì yến anh ».

Câu ; « Thì đã trâm gãy bình rơi bao giờ ! » ông Vĩnh chua rằng : «Hoa gãy bình rơi thì phải hơn, vì trong Đường-thi có câu : Nhất phiến tình chu dĩ đáo ngạn, bình trầm hoa chiết dĩ đa thời». Ông Vĩnh dẫn chưa đúng ; chữ «trâm gãy bình rơi » đủ cả trong bài *Dâm phụ kiến khí* của Bạch cư-Dị. Nguyên-văn chữ Hán như sau :

Tỉnh đề dẫn ngân bình,
Cầm thượng ty thằng tuyệt ;
Thạch thượng ma ngọc-trâm,
Cầm thành trung ương triết ;
Bình trầm trâm chiết *tri nại hà !*
Tranh tự kim triêu dữ quân biệt.

Nghĩa là : «Đáy giếng kéo ngân-bình, trên đàn dây tơ đứt. Trên đá mài ngọc - trâm, đàn xong đoạn giữa gãy. Bình chìm trâm gãy biết làm sao ? Luống để từ nay cùng gã biệt.» *Còn nữa*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CẦN PHẢI ĐỌC :
TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ THUẬT...
Văn học bình luận của
VŨ NGỌC PHAN
Để hiểu biết *nghệ thuật viết,* phân biệt các *loại văn* và *đặ tính văn chương* của Pháp, Anh, Trung-Hoa, Việt-Nam v. v...
Dày : 200 trang giá : 1p50
MỚI CÓ BÁN :

BÀ QUẬN MỸ

Lịch sử tiểu thuyết của CHU THIÊN
Tác giả cuốn « Bút Nghiên ».
Cả một thiên tình sử đẫm lệ.
Cả một tấm gương sáng cho phái nữ-lưu.
Dày : 180 trang — Giá : 1p00

Tập Kiều
của TỦ POANH
Tập văn giá trị ; Có 8 phụ bản của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng
Giá 1p00
« NGUYỄN DU » xuất bản
Đường 206bis số 11, Hà-nội

Các bạn thiếu-niên vừa bước chân ra khỏi học đường đừng bỏ qua mà chẳng đọc :

« Tiền và thương mài »
và
«Chiến thuật con buôn»

Nó là loại sách thiết-thực ASAU và cũng là bạn thân của những người có chí và có máu Annam đứng-đắn.

MAISON ASAU
72, Rue Chaigneau, Saigon

NẠN SINH-HOẠT ĐẮT-ĐỎ (1)

NAM-CHÂU

TỪ khi xảy ra nạn chiến-tranh, không riêng gì Đông-dương phải chịu cảnh sinh-hoạt đắt đỏ, khắp các nước trên hoàn-cầu đều lâm nạn gạo châu củi quế.

Giá một phẩm vật cao hay hạ tùy ở một trăm ngàn căn nguyên sức người đâu có thể đàn áp nổi ?

Bàn về những căn nguyên ảnh-hưởng đến thời giá, mỗi nhà kinh-tế-học chủ-trương một thuyết. Song phần đông đều công nhận rằng : cùng một lúc, trong một nước, thời-giá liên lạc rất mật thiết với :

1· số tiền hiện có sự lưu-hành tiền-tệ;

2· số phẩm vật đem cung ra trên thị-trường.

1· Theo một lý hầu như đương-nhiên của khoa kinh-tế-học thì hễ trong một nước, cùng một lúc, nếu số phẩm vật đem bán không tăng mà cũng không giảm, thời gia sẽ cao hay giảm tùy theo số bạc hiện có nhiều hay ít. Nói cho dễ hiểu hơn thì nếu trong nước số sản xuất không thay đổi mà tiền bạc lại dồi dào, thời giá sẽ cao. Trong cái tính chia

Tiền có để trả
Số phẩm vật bán

Thời giá, nếu số chia không thay đổi, số bị chia lại lớn lên, tất nhiên số thành « thời giá » cũng phải tăng theo.

Coi đó rồi lấy những số xuất-nhập của nhà Đông-pháp ngân hàng mà suy, ta sẽ thấy :

Từ hồi đại chiến 1914-1918, thường thường năm nào xứ Đông-pháp cũng xuất cảng nhiều hơn nhập cảng. Thậm chí đến năm 1941 mà xứ ta cũng còn xuất cảng nhiều hơn nhập cảng

Từ khi các đường giao thông hầu hết bị bế tắc, sự kiểm soát hối đoái thêm chặt chẽ, số tiền dư đó không mang được ra để khuếch trương kỹ-nghệ hay thương mại, đành bị nằm đọng ở tủ sắt các ngân hàng hay tư gia để làm tăng số tiền hiện có ở Đông-dương. (Còn nhiều căn nguyên khác đến làm tăng số bạc hiện hành trong nước ; nhưng trong phạm vi một bài lược khảo ta không thể xét cho hết được).

2 Không có số tiền hiện có ảnh-hưởng đến giá cả. Sự lưu hành tiền tệ trong nước cũng mật thiết rất lớn đến thời giá. Một khi người ta tin ở giá trị đồng tiền nước mình, ai nấy thi nhau mà tích trữ ; Lúc đó tiền bạc lưu hành thực là khó khăn chậm chạp. Nhưng một khi người trong nước tin ở hàng hóa hơn tiền bạc thì tiền bạc lưu hành một cách rất mau lẹ. Có món tiền trong tay, ai nấy muốn sắm ngay tư-trang, tích ngay vàng bạc. Nhà bán đồ tư trang được tậu ngay nhà cửa, đồn-điền. Ông điền chủ được món tiền mới mua ngay hàng hóa dựng một nhà buôn. Không ai nghĩ đến tích trữ tiền bạc. Đồng tiền cứ thế mà luân-chuyển rất nhanh, Tiền bạc luân chuyển nhanh thì có khác gì trong nước có nhiều tiền bạc. Mà như trên ta đã biết, số tiền bạc có nhiều, thời giá sẽ cao, nếu số phẩm vật đem bán không cùng tăng lên.

●

Ngoài vấn-đề tiền tệ, luật cung cầu có ảnh hưởng rất lớn đến giá sinh hoạt. Một khi số « cung » ra để bán nhiều hơn số « cầu » ra để mua, tất nhiên giá-cả phải hạ. Trái lại nhiều người cầu mua mà không có hàng hóa để bán, thời giá tất là cao.

1· Về nguyên-nhân thứ nhất, ta có thể nói ngay rằng : Từ khi chiến tranh càng lan rộng, số phẩm vật đem cung ra trên thị trường Đông dương càng ngày càng ít.

Sức sản-xuất trong nước thì có hạn. Về nông sản, không thể trong khoảnh khắc người ta tăng được số thu hoạch lên gấp bội.

Mà về công-nghệ những xưởng đủ các máy hoặc không-lồ hoặc tinh vi để khai thác nguyên liệu của đất nước chỉ là chuyện viển vông. Còn tiểu công-nghệ của ta phải cần đến nguyên-liệu ngoại-quốc nhiều quá nên gần phải cùng chung số phận những hàng nhập-cảng.

Nói đến hàng ngoại-quốc thì ai cũng thấy càng ngày càng hiếm và càng đắt. Đắt vì nạn lạm-phát bạc giấy xảy ra ở tại nhiều nước. Hiếm vì các đường giao thông hầu hết bị nghẽn. Hiếm vì trên hoàn-cầu nước nào cũng lo tích-trữ nguyên-liệu để tiếp-tục chiến-tranh hoặc để phòng nạn binh-cách.

2. Số cung ra đã kém mà số cầu mua lại tăng. Giữa năm 1939, lúc nền thương mại của ta đương toàn thịnh, số xuất cảng tỉ là 100. Ấy thế mà vào khoảng juillet 1941, mặc dầu muôn điều trở ngại về giao-thông, về tiền tệ v. v,.. số xuất cảng cũng lên tới 104 thì ta đủ thấy các nước ngoài càng ngày càng cần mua nguyên liệu của ta nhiều là ngần nào !

Mà trong lúc này kỹ nghệ của nước nhà cần biết bao là gạo, là dầu, là bông, là sợi... Cái cớ tại sao thời giá cao hoài thực là rõ rệt.

Ngoài căn nguyên chính đó còn biết bao cớ khác đến làm tăng giá hóa phẩm trong nước. Nạn đầu cơ của các nhà buôn thiếu lương tâm, sự tích trữ của các bà nội trợ quá lo xa, sự bành trướng của cái xã hội trưởng giả có tiền v.v... đều có dự một phần trong cái nạn sinh hoạt đắt đỏ này.

Đứng trước tình thế ấy, các nhà cầm quyền có thể : rút bớt số tiền bạc, hạn chế sự tiêu-thụ, bội tăng lượng sản xuất hay định giá các hóa phẩm.

xem tiếp trang 23

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được :

1) *Đạo sống*, — khảo-cứu phê-bình đạo-học — của Thành Thế-Vỹ, do Quốc-học thư-xã xuất-bản, tựa của Phạm-Quỳnh. Sách in đẹp, dày 174 trang, giá 2 p.

2) *Bà quận Mỹ* — tiểu-thuyết lịch-sử đã đăng ở Tri-Tân — của Chu-Thiên, do Nguyễn-Du xuất-bản. Sách in bằng giấy bản, dày 144 trang, giá bán 1 p.

Nhi đồng họa bản — số mùa thu — của Vũ trọng-Can, giá 0 p, 25 rất có ích cho các trẻ em.

Xin cảm-ơn các tác-giả và nhà xuất-bản và giới-thiệu cùng các bạn đọc. TRI-TÂN

TIỂU-THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 16 của CHU-THIÊN

LƯƠNG-THOA lạy mừng Phan phu-nhân rồi, toan lại lạy chào Liên-Tường và Trần Long, nhưng Liên-Tường đã giữ lại và tự quỳ xuống lạy nói :

— Tiên-nữ phải lạy mừng thứ mẫu để tạ ơn người bấy lâu đã nuôi nấng gia nghiêm được yên ấm trong tuổi già.

Phan-công liền bảo mọi người :

— Thôi các người cũng đừng nên quá giữ lễ nữa. Còn được có ngày nay gặp gỡ sum họp nhau đây là tự Cao-xanh an bài ra cả nhìn kỹ thì ra con người đẹp hùng dũng và kín duyên. Người cao lớn nhưng thanh, dáng đi mạnh mẽ nhưng nhẹ nhàng, người ấy uyển-chuyển tự nhiên, đi dảo bước qua chỗ bọn lính hầu, bước lên thềm quỳ lạy Phan phu-nhân và nói ;

— Tiện-tỳ xin bái chúc lão phu-nhân, đại quan cùng phu-nhân.

Liên-Tường vội vàng ra đỡ dậy, trong khi Phan công giới thiệu :

— Đây là cô Lương-Thoa, thứ phòng của tôi và thân sinh ra Tái-Tạo.

Ta chỉ nên cảm tạ đức Hoàng-thiên và Phật tổ.

Trần-Long liền đứng lên chắp tay nói :

— Trăm lạy nhạc phụ, nhạc phụ đã dạy thế, chúng con xin tuân mạnh. Nhờ Giới Phật dun dủi cho có ngày vui sướng độc nhất này, chúng con xin rước nhạc phụ cùng thứ mẫu và cữu phụ về dinh với nhạc mẫu con để chúng con được vui mừng dưới gối làm lễ chúc thọ.

Phan công liền gạt đi bảng :

— Hiền tế, có lộng vậy, ta xin cảm tạ. Nhưng ta nay quen cảnh núi rừng, tính tình thành ra thô-lỗ, không dám trở lại nơi dinh thự, chỗ nhĩ mục quan chiêm, để làm náo động cửa công và làm mang tiếng cho hiền tế. Thôi, gặp nhau xum họp ở đây cũng đủ.

Liên-Tường cũng khẩn-khoản nài mời Phan-công về dinh, nhưng ngài còn lưỡng-lự không muốn về. Phan phu-nhân phải cố nài bảo :

— Bấy lâu con trẻ nó mong-mỏi, cúng giỗ, nay được biết phu-quân còn đây, trẻ nó vội-vàng sắm võng ngựa lên rước về. Phu-quân không định ở lâu đấy, thì tiện võng ngựa đây cũng về lấy một ngày cho khỏi tủi lòng con trẻ, và ta còn trò chuyện lâu dài chứ.

Nghe mọi người đều cố mời như vậy, lúc ấy Phan-công mới quyết. Trần-Long liền truyền quân lính sắp võng ngựa ra để rước Phan-công về dinh. Phan phu-nhân, Liên-Tường, và Trần-Long đều ân-cần mời cả Lương-Thoa và Lương-Điền về chơi nữa. Hai người này đều phải tuân theo mệnh.

Ăn trầu uống nước xong, mọi người đều theo Phan-công ra sắp sửa lên đường. Phan-công và Phan phu-nhân lên võng rồi, Trần-Long và Liên-Tường mời Lương-Thoa lên võng thứ ba. Vốn quen nghề săn bắn, phi ngựa giỏi như những kỵ-sĩ đời xưa, nhưng nể lời, nàng cũng phải vui vẻ ngồi lên võng, để nếm thử một thư đồ dùng quý-phái mà từ trước đến giờ không một lần nào nàng nghĩ tới. Ba người lên võng rồi, Trần-Long mời Lương-Điền lên ngựa, đợi cho Liên-Tường và Tái-Tạo đều lên ngựa cả, mới xin phép mọi người, tiến vượt lên đi trước dẫn đường, và truyền cho bọn lính võng cất bước. Cả đoàn bắt đầu đi. Sau ngựa Trần-Long là ba võng của ba vợ chồng Phan-công, rồi đến ngựa Lương-Điền. Sau cùng là ngựa hai chị em Liên-Tường và Tái-Tạo. Cả đoàn đi đều-đều. Mọi người vui vẻ nên đi không mấy chốc đã về đến dinh Đề-đốc Kinh-bắc. Ba tiếng trống bao nổi dậy đưa cả đoàn người ngựa từ từ qua cổng dinh, Trần-Long xuống trước đón rước Phan-công và mọi người vào tư-thất, rồi truyền cho quân-lính trong dinh làm tiệc ăn mừng cuộc đoàn-viên vui-vẻ. Trong quân đều nức lòng mừng rỡ về dịp Đề-đốc phu-nhân lại được gặp cha già. Tất cả dinh đều nhộn-nhịp. Từ Tham quan đến cơ đội đều lần lượt vào chúc mừng. Trần-Long nhân dịp cho khao cả trong quân ăn uống rất vui vẻ. Ăn uống xong, Lương Điền xin phép ông bà Phan-công và Trần-Long, Liên-Tường để giở về rừng coi nhà, còn Lương-Thoa và Tái-Tạo thì lưu lại dinh với Phan-công và Phan phu-nhân. Cả một gia-đình thân-mật lần đầu-tiên lại được quây quần vui-vẻ : vợ nhìn chồng, cha nhận con, em nhận chị, mẹ biết con, lại thêm ba người mới nữa. Những người ngoài đều phải lui ra hết. Thật là một cuộc đoàn-viên long trọng nên thơ và vô-cùng cảm-động ở đấy ai nấy đều hồi-hộp vui mừng người như trẻ lại và tim như nở thêm ra.

Sau một hồi im lặng như để nhớ lại mọi việc đã xảy ra và để qua phút sung-sướng thiêng-liêng nhất, Phan-công mới kịp hỏi đến Liên-Tường vì sao nàng đã chết rồi lại còn có mặt ngày nay và những nông nỗi nàng đã trải qua. Liên-Tường vui vẻ và bằng một giọng đều đều kể lại cho Phan-công cùng Lương-Thoa và mọi người đều nghe nàng thuật xong thì đến lượt Phan phu-nhân nói lại nỗi vất-vả gian-truân của mình từ lúc Phan-công bị bắt, cửa nhà tan-nát cho đến khi gặp Liên-Tường. Mọi người nghe đều cảm thương nhau

và mừng rỡ chỏ nhau, cười rơi ra nước mắt.

Phan-công ngồi im lặng nghe hai người kể lại hết mọi chuyện, ngẫm-nghĩ một lúc rồi cười và nói :

— Thật là tự Giời cả. Nếu không có Giời Phật thì làm gì còn có ngày nay. Ta phải nên cảm tạ Giời. Và một lòng ăn ở ngay lành Giời không bao giờ phụ kẻ có lòng lành đâu. Vì Giời ở ngay lòng mình chứ không ở đâu xa,

Trần-Long khen ngợi và thầm phục câu nói chí lý ấy. Liên-Tường thì nóng lòng biết quãng đời mươi năm gần đây của Phan-công biến-đổi ra sao liền vội hỏi :

— Thưa cha, thế sau khi được phóng thích rồi, làm sao cha lại lên đây ? Và ai làm mối mà lại kết duyên được với dì con ? Mà quái lạ ở vùng Kinh-bắc này và khắp cả mọi nơi, con đã đi tìm và nhờ người dò thăm mối-manh luôn bốn năm năm giời mà chẳng được tin tức gì cả. Mẹ con và con đã tin là cha về chầu Phật rồi nên cứ nhớ ngày bị bắt và ngày được tha để cúng giỗ. Rõ cũng nực cười.

Phan phu - nhân cũng nói xen vào :

— Mà cứ đến ngày giỗ hai mẹ con khấn khấn khứa khứa mãi, rồi lại ngồi trông nhau mà khóc.

Lương-Thoa cười nói tiếp vào :

— Thưa lâo phu-nhân, thảo nào có ngày quan Thượng-thư cứ bồn-chồn nóng ruột, không ăn không ngủ, cứ chạy ra chạy vào, làm ai cũng sợ, chắc hôm ấy là ngày giỗ ngài !

Mọi người đều cười ồ Phan-công cũng cười, rồi nói :

— Cũng là tự Giời cả. Nếu mình biết là vì con mà được tha và Nguyễn - Tân chết rồi thì mình không cần lẩn lút nữa thì chắc sẽ được gặp nhau chóng hơn thế này.

Rồi ngài ngồi im lặng một lát để nhớ lại kỹ càng mọi việc cho có thứ-tự và xếp đặt cho có tiết-tấu, rồi mới cất tiếng nho-nhỏ đều đều lên kể cho Phan phu-nhân và vợ chồng Liên-Tường rõ. Mọi người đều im-lặng chăm-chú nghe.

IV

Trước đây Phan-công bị bắt giam vào trong ngục hơn hai tháng, trong lòng vẫn chắc là kẻ gian thần sẽ thêu-dệt nên tội lớn mà hãm hại mình. Nghĩ đến cảnh nhà tan-nát, nỗi mình oan-khiên như vậy, dẫu ai sắt đá cũng phải nát gan lo ngại. Nhưng Phan - công vốn nhất sinh trung-hiếu, tự lòng tin lòng, không có điều gì đáng hổ - thẹn với đời, biết tuân theo mọi sự rủi - ro của số-phận, cho nên dẫu ở trong vòng tù ngục cũng cam chịu mạnh giỏi, chẳng hề oán thán.

Chợt một hôm, cửa nhà giam sích mở rộng, thấy ngục quan tuyên đọc chiếu đại xá Phan công xiết bao mừng rỡ, chỉ một niềm cúi đầu bái tạ ơn vua, có biết đâu chính tự con trẻ đã liều thân mà cứu khỏi.

Phan công được tha ra khỏi ngục không dám lưu lại ở kinh sư, thăm hỏi bạn bè quen thuộc gì cả, vì những quan liệu sĩ thứ lúc ấy hầu hết đều là tai mắt của gian thần, chỉ sợ lại sinh có sự hiềm nghi gây thành vạ lớn nữa. Ngài cũng không dám vào chầu tạ ơn đại xá, nghĩ mình là kẻ tội-nhân, dù là tội oan không đáng được để chân vào nơi tôn-nghiêm cao cả.

Ngài liền về thẳng nhà ở Phố-Hiến tìm vợ và con nuôi. Nhưng thấy cảnh hoang-tàn xơ-xác nơi nhà cũ và vắng cả tăm hơi vợ con, ngài lại đi ngay sang quê Phu - nhân. Ở đây cũng như khi Phu - nhân và Tiểu Lan đến, những con cháu họ ngoại đều hết sức sợ - hãi, không dám đón tiếp ; họ trốn đi cả, cho người ra nói với ngài rằng phu-nhân không hề qua lại đây. Buồn nản, chán cho nhân tình thế thái, ngài nghĩ nên tìm chốn sơn lâm cùng tịch, làm chỗ an thân để rồi sau sẽ tìm vợ con cùng về cao-ẩn, cho xa vắng cuộc đời cát bụi. Lúc ấy Phan-công chợt nhớ đến một người bạn cũ, cũng vì tị hiềm mà xuất gia, lên trụ-trì ở chùa Lê - xá miền Thái nguyên, ngài muốn nhân tiện đi thăm bạn và tìm chốn ở liền cất mình ra đi. Ngài cứ đi, đi mãi, ban ngày thì đi nhọc đâu nghỉ đấy, gặp những người hào-hoa ưa văn tự, ngài làm thơ, làm câu đối và viết thuê cho, để lấy tiền ăn đường. Tối ngài lại vào những chùa ngủ nhờ. Ngài cứ đi như thế đi mãi .. Dăm ngày sau, ngài đến cảnh rừng Tiêu-sơn. Thấy phong cảnh đẹp, trong mình lại mỏi mệt, ngài liền tạm ngồi nghỉ dưới gốc cây cho đỡ mệt, định ngồi ngắm xem phong-cảnh một lúc rồi lại sẽ đi, không ngờ thiu-thiu ngủ lúc nào không biết. Trong lúc mơ - màng, chợt thấy một người đầu râu tóc bạc, ăn mặc quần áo lụa đỏ, chống gậy trúc ngà, dáy vẻ tiêu phong đạo cốt, đến gần chắp tay chào hỏi mà rằng :

còn nữa

CHU-THIÊN

Nạn sinh-hoạt

tiếp theo trang 21

Chống nạn sinh hoạt đắt đỏ, phải giải quyết bao vấn đề rất đỗi khó khăn, vô cùng phức tạp ! Chẳng hạn : định mộ, giá tối thiểu có lợi cho người mua thì khó lòng làm tăng được số hóa phẩm đem bán Vì có được lắm lời mới có nhiều người đua nhau sản xuất. Để những nhà kỹ nghệ lời nhiều thì làm sao hạng người tiêu thụ mua được với một giá phải chăng ?

Phải chăng cái mầm họa ngấm ngầm mọc từ ngày dân nước lao mình theo chủ nghĩa cá nhân, chỉ biết vị mình, chỉ lo vụ lợi ? Phải chăng cỗi rễ nạn nầy sẵn có từ ngày ai nấy bị những chữ «tự do» huyễn hoặc ? Tự do cạnh tranh, tự do sản xuất, tự do hạn chế, tự do kinh doanh miễn sao tư lợi được thỏa, tư dục được phỉ để đến ngày nay...

Những ai có tâm huyết, hờ hững sao được với những lời hiệu triệu của Thống chế Pétain ? Cuộc phục hưng thực là cần thiết ! NAM CHÂU

---

(1) Những tài liệu dùng để viết bài này phần nhiều lấy ở tập kỷ-yếu do sở kinh tế phủ Toàn-quyền xuất-bản (Quyển I năm 1942)

QUỐC-HỌC THƯ'-XÃ

mới phát hành

THI-THỌAI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các nhà nghiên-cứu thi-học, văn-học. Dầy ngót 300 trang, giá 2p.00, gần hết

LƯỢC-KHẢO VỀ

MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

của Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN NGHỊ

Kiến-trúc-sư tại bộ Công Nam-triều, đã được các báo Annam Nouveau, Patrie Annamite, Trang-Bắc, Việt-Báo, Tràng-An ngợi khen. Giấy Bouffant và giấy lệnh, còn 20 bộ, 8p.50· *giấy thường giá* 1p.50

ĐẠO-SỐNG

NGHIÊN-CỨU VÀ PHÊ-BÌNH CÁC CHỦ-NGHĨA ĐẠO-LÝ TRIẾT-HỌC ĐÔNG-TÂY

Tựa của cụ Thượng PHẠM-QUỲNH

MỤC-LỤC SÁCH « ĐẠO SỐNG »

I Khoái-lạc chu-nghĩa: *Aristippe, Epicure, Banthdm, Stuart Mill, Dương-Chu*
II Cảm-tình chủ-nghĩa: *Adam Smith, Jésus Christ, Thích-Ca, Fichte, Tolstoi, Schopenhauer, Auguste Comte, Durkheim*
III Lý-trí chủ-nghĩa: *Epitecte, Marc Aurèle, Zénon, Jou, roy, Mặc-Tử, Lão-tử, Trang-Tử, Khổng-Tử, Mạnh-Tử, Tuân-Tử.*
IV Hình-thức chủ-nghĩa: *Kant*

Bản giấy thường giá: 2p 00 . Bản giấy registre và lệnh chỉ (còn 30 bộ) 4p.00
Bản thảo (thủ bút tác giả) đóng bìa toàn gấm 100p.
Mua một cuốn xin gửi tiền trước thêm 0p.40 *cước, không bán lãnh hóa giao ngân*

ĐANG IN SẮP XONG

HỌC-THUYẾT MẶC-TỬ'

Tựa của cụ NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giấy thường giá	1p.50	
Giấy lệnh chỉ (có chữ ký tác giả)	3.00	*(còn 3 bộ)*
Giấy Bouffant (có chữ ký tác giả)	4.00	*(còn 4 bộ)*
Giấy Vergé baroque crème (có chữ ký tác giả)	7.00	*(còn 2 bộ)*
Giấy ngự-chỉ đặc-biệt	15.00	*(Còn 2 bộ)*
Bản thảo (thủ bút tác giả) đóng bìa toàn gấm	100p.	

Thư từ và ngân phiếu đề tên ông LÊ VĂN-HÒE

Giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ *16 bis, rue Tien-Tsin* — **Hanoi**

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant: Dương Tụ-Quán
Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi